CHUYÊN ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC SO SÁNH

YÊU CẦU VỀ DẠNG ĐỀ SO SÁNH 2 TÁC PHẨM VĂN HỌC

----------

Viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm là nêu lên một cách thuyết phục những điểm tương đồng và khác biệt của hai tác phẩm.

Cũng có thể chỉ yêu cầu nêu điểm tương đồng hoặc điểm khác biệt về nội dung, hình thức nghệ thuật của hai văn bản, từ đó bàn luận, nhận xét giá trị độc đáo của mỗi văn bản, nhận ra đặc điểm thể loại, vai trò của cá tính sáng tạo, chỉ ra những điểm chung trong quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương,...

Bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thường được thực hiện giữa các tác phẩm cùng thể loại. Cũng có thể yêu cầu so sánh, đánh giá giữa hai thể loại khác nhau nhưng thường để khẳng định điểm giống nhau về đề tài, chủ đề và tư tưởng của hai tác phẩm.

Ví dụ, các tác phẩm "Sông núi nước Nam" (khuyết danh), "Hịch tướng sĩ" (Trần Quốc Tuấn), "Đại cáo bình Ngô" (Nguyễn Trãi), "Tuyên ngôn Độc lập" (Hồ Chí Minh),... viết với các thể loại rất khác nhau nhưng đề tài, chủ đề, tư tưởng, tình cảm,... của các tác phẩm ấy có rất nhiều điểm tương đồng.

Sự khác biệt giữa hai tác phẩm thường biểu hiện rõ ở cách thức, nghệ thuật, hình thức thể hiện từ phương thức biểu đạt đến các hình thức, thủ pháp nghệ thuật.

- Với các văn bản thơ, cần chú ý đến nghệ thuật sử dụng, sáng tạo từ ngữ; các hình ảnh và biểu tượng; cách cấu tứ, các dạng thức của cái "tôi" trữ tình,...

- Với các văn bản truyện và tiểu thuyết, cần chú ý đến nhân vật, điểm nhìn trần thuật, kết cấu, cách kết thúc truyện, kĩ thuật miêu tả ngoại hình, chân dung và phân tích tâm lí nhân vật,...

- Với các văn bản kịch, cần chú ý đến mô típ, cốt truyện, hệ thống nhân vật, xung đột kịch, các dạng thức của lời đối thoại, độc thoại,...

- Với các văn bản kí, cần chú ý đến đề tài, cách tiếp cận vấn đề, cách khai thác số liệu, tài liệu,...

Có nhiều cấp độ và yêu cầu so sánh, cụ thể: so sánh hai tác phẩm, hai đoạn trích; so sánh hai yếu tố như chi tiết, nhân vật, cốt truyện, tình huống truyện, bối cảnh, ngôi kể, điểm nhìn, biện pháp nghệ thuật, đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng,...

LƯU Ý VỚI ĐỀ SO SÁNH 2 TÁC PHẨM VĂN HỌC

Xác định mục đích so sánh, đánh giá: Việc so sánh không phải để hướng tới mục đích xem tác phẩm nào có giá trị hơn tác phẩm nào mà để nhận ra những khác biệt, sự đa dạng trong cách nhìn và cảm thụ về đời sống; so sánh để làm rõ vấn đề văn học có trong tác phẩm.

Xác định nội dung, tiêu chí so sánh: đề tài, chủ đề, thể loại, các biện pháp nghệ thuật, ngôn ngữ,...

Đảm bảo cấu trúc chung của một bài nghị luận văn học, tính chính xác của các dẫn chứng, tính chặt chẽ của các lập luận lô gích và tính hình tượng, biểu cảm của ngôn ngữ,...

Các bước để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học như sau:

- Tìm kiếm đối tượng so sánh (với trường hợp người viết phải tự xác định) theo các định hướng: thể loại, phong cách tác giả, khuynh hướng sáng tác, thời điểm sáng tác. Xác định phạm vi so sánh (giữa hai tác phẩm, hai đoạn trích, hai mô típ,...).

- Phân tích điểm giống nhau, điểm khác nhau hoặc cả giống nhau và khác nhau giữa hai tác phẩm được so sánh. Chỉ ra ý nghĩa của sự giống nhau và khác nhau, từ đó giúp người đọc nhận thấy tính độc đáo, đặc sắc riêng của từng tác phẩm.

- Bình luận, lí giải về nguyên nhân dẫn đến sự giống và khác nhau giữa hai tác phẩm.

- Rút ra những nhận thức về đặc điểm thể loại, vai trò của cá tính sáng tạo, quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương,...

Để tìm ý và lập dàn ý cho bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học, học sinh cần đặt ra và trả lời các câu hỏi như:

- Mục đích so sánh, đánh giá để thuyết phục hoặc làm rõ vấn đề gì?

- Đối tượng và phạm vi so sánh là hai văn bản, hai tác phẩm nào?

- Tiêu chí và phương diện cụ thể cần so sánh là gì (nội dung, nghệ thuật)?

- Hai tác phẩm được so sánh giống hay khác nhau (hoặc cả hai) như thế nào?

- Có thể rút ra những nhận xét và đánh giá gì về cái hay, cái đẹp, tính độc đáo, nét đặc sắc riêng của mỗi tác phẩm,...?

------------

NLVH - SO SÁNH VĂN HỌC SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN

---

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM.

Nghị luận văn học so sánh là dạng bài “khó nhằn” bởi phạm vi vấn đề cần nghị luận thường không nằm trong một tác phẩm. Đây là kiểu bài nghị luận văn học yêu cầu cao về kiến thức và kỹ năng. Dạng bài này khá mới và chưa được cụ thể hóa thành bài học trong sách giáo khoa trước đây, và thường dùng cho thi học sinh giỏi hoặc xuất hiện trong đề thi khối C.

Nhưng sang lớp 12, chương trình mới dạng đề so sánh hai tác phẩm đã được đưa vào nội dung dạy, và thuộc nội dung thi TN THPT Quốc gia từ năm 2025. Nên các bạn ôn thi cần chú ý dạng đề này.

Yêu cầu cơ bản của dạng bài nghị luận ***so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện***là:

- Nêu được vấn đề cần được so sánh, đánh giá, trình bày các thông tin khái quát về hai tác phẩm.

- Xây dựng được tiêu chí so sánh.

- Chỉ rõ và phân tích những điểm giống, khác trên cả hai phương diện nội dung, nghệ thuật của hai tác phẩm truyện.

- Đưa ra những nhân xét, đánh giá phù hợp, chính xác về thể loại, giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật, phong cách nghệ thuật của từng nhà văn.

- Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm qua việc so sánh.

Vì lẽ đó, mình xin được giới thiệu một hướng triển khai (cách triển khai song hành) đối với dạng bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện như sau:

DÀN Ý CHUNG

**1. MỞ BÀI**

- Dẫn dắt và giới thiệu đối tượng so sánh: tên hai tác phẩm, hai tác giả.

- Nêu vấn đề cần so sánh.

**2. THÂN BÀI**

\* **Đoạn văn khái quát chung**

- Giới thiệu vài nét về hai tác giả *(Nếu là tác giả được học trong chương trình hoặc được giới thiệu trong đề thi).*

- Giới thiệu vài nét về hai tác phẩm:

+ Hoàn cảnh ra đời *(Căn cứ vào phần chú thích giới thiệu trong để thi).*

+ Đề tài, cốt truyện, nhân vật chính *(Căn cứ vào văn bản).*

- Khái quát điểm giống và khác nhau được thể hiện qua hai tác phẩm/ đoạn trích.

**\* LUẬN ĐIỂM 1. ĐIỂM GIỐNG NHAU CỦA HAI TÁC PHẨM ĐOẠN TRÍCH VỀ NỘI DUNG, NGHỆ THUẬT.**

***+ Điểm giống về nội dung:***Đề tài, chủ đề, hình tượng nhân vật, giá trị hiện thực, nhân đạo,... của hai tác phẩm truyện.

***+ Điểm giống về nghệ thuật:***Ngôi kể, điểm nhìn, cốt truyện, kết cấu truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,... của hai tác phẩm truyện.

**\* LUẬN ĐIỂM 2. ĐIỂM KHÁC NHAU CỦA HAI TÁC PHẨM/ ĐOẠN TRÍCH VỀ NỘI DUNG, NGHỆ THUẬT.**

**- ĐIỂM KHÁC NHAU VỀ NỘI DUNG:**

*+ Tác phẩm/ đoạn trích 1:*Tư tưởng chủ đề của tác phẩm có gì khác? Số phận cuộc đời, vẻ đẹp của hình tượng nhân vật trong tác phẩm có gì khác? Nét mới về giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo, tư tưởng chủ đề của tác phẩm?

*+ Tác phẩm/ đoạn trích 2:*Nét khác biệt về tư tưởng chủ đề của tác phẩm là gì? Hình tượng nhân vật có số phận cuộc đời, vẻ đẹp như thế nào? Có điểm khác biệt như thế nào? Nét mới về giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo của tác phẩm?

**- ĐIỂM KHÁC NHAU VỀ NGHỆ THUẬT:**

*+ Tác phẩm/ đoạn trích 1:*Ngôi kể, điểm nhìn, cốt truyện, kết cấu truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,...

*+ Tác phẩm/ đoạn trích 2:*Ngôi kể, điểm nhìn, cốt truyện, kết cấu truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,...

**\* LUẬN ĐIỂM 3. LÍ GIẢI ĐIỂM GIỐNG, KHÁC NHAU VÀ NÊU Ý NGHĨA.**

**- LÍ GIẢI VÌ SAO CÓ ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG, KHÁC BIỆT?**

+ Bối cảnh thời đại.

+ Đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn văn học.

+ Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả.

**- Ý NGHĨA CỦA SỰ TƯƠNG ĐỒNG, KHÁC BIỆT:**

+ Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại.

+ Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học.

**\* ĐOẠN VĂN ĐÁNH GIÁ**

- Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.

- Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả.

**3. KẾT BÀI**

- Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.

B. LUYỆN TẬP VẬN DỤNG. 

**ĐOẠN TRÍCH 1:**

HAI LẦN CHẾT

Thạch Lam

(*Lược dẫn:*Dung là con thứ bốn trong gia đình bị sa sút kinh tế. Nàng lớn lên trong sự hờ hững, lạnh nhạt của gia đình. Rồi bị mẹ già bán cho một nhà giàu để lấy mấy trăm đồng bạc.)

Khốn nạn cho Dung từ bé đến nay không phải làm công việc gì nặng nhọc, bây giờ phải tát nước, nhổ cỏ, làm lụng đầu tắt mặt tối suốt ngày. Đã thế lại không có người an ủi. Chồng nàng thì cả ngày thả diều, chả biết cái gì mà cũng không dám cãi lại bà cụ. Còn hai em chồng nàng thì ghê gớm lắm, thi nhau làm cho nàng bị mắng thêm.

Những lúc Dung cực nhọc quá, ngồi khóc thì bà mẹ chồng lại đay nghiến:

- Làm đi chứ, đừng ngồi đấy mà sụt sịt đi cô. Nhà tôi không có người ăn chơi, không có người cả ngày ôm lấy chồng đâu.

Rồi bà kể thêm:

- Bây giờ là người nhà tao rồi thì phải làm. Mấy trăm bạc dẫn cưới, chứ tao có lấy không

đâu.

Dung chỉ khóc, không dám nói gì. Nàng đã viết ba bốn lá thư về kể nỗi khổ sở của nàng,

nhưng không thấy cha mẹ ở nhà trả lời.

(*Lược dẫn:*Dung ăn trộm tiền của mẹ chồng để trốn về nhà nhưng bị mẹ đẻ đay nghiến. Sáng hôm sau, mẹ chồng xuống tìm nàng.)

Bị khổ quá, nàng không khóc được nữa. Nàng không còn hy vọng gì ở nhà cha mẹ nữa. Nghĩ đến những lời đay nghiến, những nỗi hành hạ nàng phải sẽ chịu, Dung thấy lạnh người đi như bị sốt. Nàng hoa mắt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ.

Nàng không nhớ rõ gì. Ra đến sông lúc nào nàng cũng không biết. Như trong một giấc mơ, Dung lờ mờ thấy cái thành cầu, thấy giòng nước chảy. Trí nàng sắc lại khi ước lạnh đập vào mặt, nàng uất ức lịm đi, thấy máu đỏ trào lên, rồi một cái màng đen tối kéo đến che lấp cả.

Bỗng nàng mơ màng nghe thấy tiếng nhiều người, tiếng gọi tên nàng, một làn nước nóng đi vào cổ. Dung ú ớ cựa mình muốn trả lời.

*[…]*Hai hôm sau, Dung mạnh khỏe hẳn. Bà mẹ chồng vẫn chờ nàng, hỏi có vẻ gay gắt thêm:

- Cô định tự tử để gieo cái tiếng xấu cho tôi à? Nhưng đời nào, trời có mắt chứ đã dễ mà chết được. Thế bây giờ cô định thế nào? Định ở hay định về?

Dung buồn bã trả lời:

- Con xin về.

**ĐOẠN TRÍCH 2:**

(Trích “Hai lần chết”, *Tuyển tập Thạch Lam,*NXB Văn học, 2008, tr. 75 -84)

DÌ HẢO

Nam Cao

(*Lược dẫn:*Dì Hảo là con nuôi của bà tôi. Bố đẻ của dì chết đã lâu. Mẹ đẻ dì là bà xã Vận. Dù công việc buôn bán thuận lợi nhưng vì phải nuôi hai đứa con nheo nhóc cùng với đống nợ chồng chất nên bà để dì Hảo đi ở. Mới đầu về nhà mẹ nuôi, dì Hảo khóc ghê lắm nhưng rồi cũng quen dần và trở thành một người con gái rất ngoan đạo. Đến khi lấy chồng, dì dành cho chồng tất cả tình yêu thương nhưng chồng dì lại là một kẻ cờ bạc, rượu chè, vũ phu, không yêu dì.)

Hắn khinh dì là đứa con nuôi, còn hắn là con dòng cháu giống. Và tuy rằng nghèo xác, hắn nhất định không làm gì. Hắn lấy vợ để cho vợ nó nuôi. Dì Hảo cũng nghĩ đúng như thế ấy; dì làm mà nuôi hắn. Người vợ đảm đang ấy kiếm mỗi ngày được hai hào, dì ăn có năm xu. Còn một hào thì hắn dùng mà uống rượu. Và dì Hảo sung sướng lắm. Và gia đình vui vẻ lắm. Nhưng sự tai ác của ông trời bắt dì đẻ một đứa con.

Đứa con chết, mà dì thì tê liệt. Mỗi ngày ngồi là một ngày không có hai hào. Người chồng muốn đó là cái lỗi của người vợ vô phúc ấy.

Nhưng mới đầu hắn chỉ nghĩ thế thôi. Là vì nhờ ít tiền dành dụm. người ta vẫn có thể đủ cả cơm lẫn rượu. Nhưng rồi rượu phải bớt đi. Đến cả cơm cũng thế. Đến lúc ấy thì hắn không nhịn được nữa. Hắn chửi bâng quơ. Hắn chửi những nhà giàu, hắn chửi số kiếp hắn, và sau cùng thì chửi vợ. Ô! Hắn chửi nhiều lắm lắm, một bữa đói rượu rồi tình cờ có một bữa rượu say.

Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiến chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc.

Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ đi bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hắn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm ngơ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gây dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tổn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương.

Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.

(Trích “Dì Hảo”, *Tuyển tập truyện ngắn Đôi mắt*, Nam Cao, NXB Văn học, 2017)

**CHÚ THÍCH:**

\* **Thạch Lam**(1910 - 1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân, là người đôn hậu tinh tế, rất thành công ở thể loại truyện ngắn. Thạch Lam chủ yếu khai thác thế giới nổi tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ. Mỗi truyện ngắn như một bài thơ trữ tình.

\* **Nam Cao**(1915 - 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, là nhà văn lớn của trào lưu văn học hiện thực phê phán 1930 - 1945, là người có vẻ ngoài lạnh lùng nhưng đời sống nội tâm phong phú, có tấm lòng đôn hậu, chan chứa yêu thương. Nam Cao luôn đi sâu khai thác đời sống nội tâm, tinh thần nhân vật, sử dụng phương pháp độc thoại nội dung đầy khéo léo, tinh tế.

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI – ĐỀ LUYỆN SỐ 01

**1.** **Mở bài:**Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề.

**2. THÂN BÀI:**

**\* Khái quát chung:**

- ***Giới thiệu hai tác giả hai tác phẩm:***Nếu Nam Cao là nhà văn xuất sắc của nền văn học hiện thực phê phán giai đoạn 1930-1945 thì Thạch Lam là nhà văn tiêu biểu của nhóm Tự lực văn đoàn. Truyện ngắn “Hai lần chết” của và “Dì Hảo” là những tác phẩm tiêu biểu về đề tài người phụ nữ của hai nhà văn.

- ***Khái quát điểm giống và điểm khác nhau:***Hai đoạn trích đã gặp nhau ở đề tài, tư tưởng chủ đề, hình tượng nhân vật cùng những nét độc đáo về nghệ thuật như ngôi kể, điểm nhìn, ngôn ngữ. Thế nhưng bên cạnh những - điểm giống nhau đó, hai đoạn trích, hai tác phẩm vẫn mang những nét độc đáo riêng biệt bởi lẽ người nghệ sĩ không lặp lại người khác và không lặp lại chính mình.

**\*SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM:**

**- LUẬN ĐIỂM 1. ĐIỂM GIỐNG NHAU CỦA HAI ĐOẠN TRÍCH VỀ NỘI DUNG, NGHỆ THUẬT.**

+ “Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó.”. Hai trích đoạn truyện ngắn của Thạch Lam và Nam Cao đã gặp nhau trước tiên ở giá trị tư tưởng.

++ Cả hai đoạn trích đều viết về đề tài người nông dân nghèo mà cụ thể là người phụ nữ dưới chế độ phong kiến nửa thực dân. Qua số phận cuộc đời đầy đau khổ bất hạnh của người phụ nữ, Thạch Lam và Nam Cao lên tiếng tố cáo sự bất công ngang trái của xã hội và thể hiện sự cảm thông, xót xa, thương yêu cùng niềm trân trọng ngợi ca, bênh vực những người phụ nữ trong xã hội phong kiến nửa thực dân.

++ Hình tượng nhân vật trung tâm ở hai đoạn trích là Dì Hảo và Dung. Đó đều là những người phụ nữ có số phận cuộc đời bất hạnh. Từ nhỏ họ đã phải chịu cảnh thờ ơ, lạnh nhạt, thiếu thốn tình cảm của mẹ cha. Đến khi lớn lên, lấy chồng, họ đều phải lao động quần quật, chịu sự đánh đập, hành hạ.

+ Điểm giống về nghệ thuật: Cả hai đoạn trích đều sử dụng ngôi kể thứ ba, có sự kết hợp giữa các điểm nhìn như điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong, bút

pháp tả thực với cách miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, khiến nỗi đau của người phụ nữ càng được khắc sâu, tô đậm.

**- LUẬN ĐIỂM 2. ĐIỂM KHÁC NHAU CỦA HAI TÁC PHẨM/ ĐOẠN TRÍCH VỀ NỘI DUNG, NGHỆ THUẬT.**

+ Văn học là lĩnh vực của sự độc đáo, chính vì thế ở mỗi một đoạn trích, người đọc đều cảm nhận được những nét độc đáo về nội dung và nghệ thuật.

++ Đoạn trích “Hai lần chết” khắc hoạ số phận khổ đau, bất hạnh của nhân vật Dung trước sự ghẻ lạnh của mẹ đẻ và sự cay nghiệt của mẹ chồng. Nàng bị chính mẹ đẻ gả bán cho một nhà giàu để lấy mấy trăm đồng bạc và bị mẹ chồng đối xử không khác gì kẻ ăn người ở trong nhà. Đoạn trích “Dì Hảo” khắc hoạ số phận của một người phụ nữ bất hạnh, mồ côi cha, phải sớm đi làm con ở, phải chung sống với một người chồng cờ bạc, vũ phu, không những không được yêu thương mà còn bị khinh ghét, đánh đập. Đó còn là người phụ nữ phải chịu nỗi đau mất con, nỗi đau bị bệnh tật giày vò.

+ Điểm khác nhau về nghệ thuật: Đoạn trích “Hai lần chết” (Thạch Lam) có sự kết hợp - giữa điểm nhìn của người kể chuyện với điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn bên trong cùng với ngôn ngữ, giọng điệu của người kể chuyện, của nhân vật. Nhân vật Dung được khắc hoạ qua những đoạn đối thoại với nhân vật người mẹ chồng. Vì thế, đoạn văn có sự đan cài của ngôn ngữ và giọng điệu của nhân vật người mẹ. Còn trong đoạn trích “Dì Hảo” (Nam Cao) là sự kết hợp giữa điểm nhìn người kể chuyện và điểm nhìn bên trong, cùng với ngôn ngữ nửa trực tiếp. Những câu văn còn là chính những dòng suy nghĩ, độc thoại nội tâm của nhân vật để từ đó giúp người đọc cảm nhận rõ hơn tâm trạng đau đớn, tủi cực của nhân vật dì Hảo. Bên cạnh đó, nếu nhân vật Dung được tô đậm bởi tình huống nàng trẫm mình xuống sông để tự tử: “Nàng hoa mặt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ,”, thì nhân vật dì Hảo được tô đậm bởi chi tiết dì Hảo khóc: “Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt.”.

**- LUẬN ĐIỂM 3. LÝ GIẢI ĐIỂM GIỐNG, KHÁC NHAU VÀ NÊU Ý NGHĨA**

+ “Hai lần chết” và “Dì Hảo” đều là hai tác phẩm tiêu biểu của văn học giai đoạn 1930 - 1945, vì thế, cả hai tác phẩm đều có chung

bối cảnh đời sống xã hội.

+ Nam Cao và Thạch Lam đều là những nhà văn có tấm lòng nhân đạo cao cả, đều có chung quan điểm “nghệ thuật vị nhân sinh”.

+ Tuy nhiên, cả hai đều là những nhà văn lớn với phong cách nghệ thuật độc đáo. Vì thế, hai tác giả tạo được dấu ấn riêng cho mình trong cách nhìn, cách nghĩ, cách viết phải “khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có”.

+ Chính điểm gặp gỡ và nét độc đáo trong tư tưởng chủ đề, trong nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật đã khẳng định giá trị tư tưởng nghệ thuật của hai đoạn trích nói riêng và hai tác phẩm nói chung. Từ đó, góp phần làm tỏa sáng cái tài, cái tâm của hai nhà văn, làm nên tính thống nhất, kế thừa, cùng sự phong phú đa dạng của văn học giai đoạn 1930 - 1945.

**\* ĐÁNH GIÁ:**

- Hai đoạn văn tuy chỉ là hai lát cắt nhỏ trong thiên truyện ngắn của Nam Cao, Thạch Lam thế nhưng đã phản ánh chân thực số phận, cuộc đời của những người phụ nữ lao động nghèo khổ dưới chế độ xã hội phong kiến đầy những bất công ngang trái, từ đó cất lên tiếng nói tố cáo những quan niệm những định kiến cổ hủ về thân phận người phụ nữ trong xã hội, cùng sự thấu hiểu, cảm thông, trân trọng, yêu thương những người phụ nữ nhỏ bé, bất hạnh.

- Qua hai lát cắt trong “Hai lần chết” và “Dì Hảo”, người đọc càng thêm trân trọng tấm lòng và phong cách nghệ thuật độc đáo của hai bậc thầy truyện ngắn của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam.

**3.** **Kết bài:**Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.

**ĐOẠN TRÍCH 1:**

MÂY TRẮNG CÒN BAY

Bảo Ninh

(*Lược phần đầu truyện*: Nhân vật “tôi” (là một hành khách trên chuyến bay) kể về một bà cụ lần đầu tiên đi máy bay. Khi máy bay ra khỏi vùng thời tiết xấu, bà cụ thích thú nhìn ngắm mây bay bên ngoài cửa sổ và bắt chuyện với “tay vận comple” nhưng không được hắn đáp lại. Bà cụ không ăn gì mà chỉ xin một cốc nước lúc cô tiếp viên mang đồ đến phục vụ. Khi máy bay bay qua vùng vĩ tuyến 17, nhân vật tôi thiu thiu ngủ thì bị đánh thức bởi tiếng quát của tay vận comple nạt bà cụ)

*[…]*Tôi giật bắn mình. Tôi bị giằng khỏi giấc ngủ không phải vì tiếng quát, tay ngồi cạnh tôi không quát to tiếng, chỉ nạt, nạt khẽ thôi, đủ nghe. Nhưng âm hưởng của nỗi hoảng hốt và sự cục cằn trong giọng y như tát vào mặt người ta. Thận trọng, tôi liếc nhìn. Khói thuốc và cặp vai to đùng của y che khuất cả bà cụ già, cả ô cửa sổ.

Này, cô kia, cô nhân viên! - Y sang trọng đứng dậy mắng - Tới mà nhìn! Đây là hàng không hay là cái xô bếp? Là phi cơ hay là cái miếu thờ thế này, hả?

- Van bác... - Bà cụ sợ sệt - Bác ơi, van bác... Chẳng là, bác ạ, bữa nay giỗ thằng cả nhà tôi.

Non ba chục năm rồi, bác ơi, tôi mới lên được đến miền cháu khuất.

Tay nọ gần như bước xéo lên đùi tôi, xấn ra lối đi. Bộ mặt hồng hào bừng bừng giận dữ và khinh miệt.

Bà cụ ngồi, lặng phắt, lưng còng xuống, hai bàn tay chắp lại, gầy guộc. Trên chiếc bàn gấp bày đĩa hoa cúng, nải chuối xanh, mấy cái phẩm oản và ba cây nhang cắm trong chiếc cốc thuỷ tinh đựng gạo. Một bức ảnh ép trong tấm kính cỡ bàn tay để dựng vào thành cốc.

Cô tiếp viên vội đi tới. Cô đứng sững bên cạnh tôi. Không hề kêu lên, không thốt một lời, cô lặng nhìn.

Máy bay vươn mình nâng độ cao vượt qua trần mây. Sàn khoang dốc lên. Cái bàn thờ nhỏ bé bỏng của bà cụ già hơi nghiêng đi. Tôi xoài người sang giữ lấy cái khung ảnh. Tấm ảnh được cắt ra từ một tờ báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ.

Khói nhang nhả nhè nhẹ, bốc lên dìu dịu, mờ mỏng trong bầu không khí lành lạnh của khoang máy bay. Những cây nhang trên trời thẳm toả hương thơm ngát. Ngoài cửa sổ đại dương khí quyển ngời sáng.

**ĐOẠN TRÍCH 2:**

(Trích: *“Mây trắng còn bay”,*Bảo Ninh, NXB Trẻ, TP. HCM, 2008)

MỘT NGƯỜI HÀ NỘI

Nguyễn Khải

(*Lược phần đầu :*Nhân vật tôi từ chiến khu về tiếp quản thủ đô và ghé qua nhà cô Hiền - chị em đôi, con dì ruột với mẹ của anh. Qua lời kể của nhân vật tôi, cô Hiền là một người Hà Nội bình thường, vô danh nhưng cũng như những người Hà Nội bình thường khác, cô đã cùng Hà Nội, cùng đất nước trải qua những biến động, thăng trầm nhưng vẫn giữ được cốt cách Hà Nội, cái bản lĩnh văn hoá của người Hà Nội. Cô sống thẳng thắn, chân thành, không giấu giếm quan điểm, thái độ riêng của mình với mọi hiện tượng xung quanh…)

Gần ba chục tuổi cô mới đi lấy chồng, không lấy một ông quan nào hết, cũng chẳng hứa hẹn gì với đám nghệ sĩ văn nhân, đùa vui một thời còn son trẻ thế là đủ, bây giờ phải làm vợ làm mẹ, cô chọn bạn trăm năm là một ông giáo cấp tiểu học hiền lành, chăm chỉ khiến cả Hà Nội phải kinh ngạc. Có gì mà kinh ngạc, cô đã tính trước cả. Sau khi sinh đứa con gái út, người con thứ năm, cô nói với chồng: “Từ nay là chấm dứt chuyện sinh đẻ, bốn mươi tuổi rồi, nếu ông và tôi sống đến sáu chục thì con út đã hai mươi, có thể tự lập, khỏi sống bám vào các anh chị”. Là thôi hẳn.

Cô bảo tôi: “Mày bắt nạt vợ mày quá, không để nó tự quyết định bất cứ việc gì, vậy là hỏng. Người đàn bà không là nội tướng thì cái gia đình ấy cũng chẳng ra sao”. Khi các con còn nhỏ, ngồi vào bàn ăn cô thường chú ý sửa chữa cách ngồi, cách cầm bát cầm đũa, cách múc canh, cả cách nói chuyện trong bữa ăn. Cô vẫn răn lũ con tôi: “Chúng mày là người Hà Nội thì cách đi đứng nói năng phải có chuẩn, không được sống tùy tiện, buông tuồng”. Có lần tôi cãi: “Chúng tôi là người của thời loạn, các cụ lại bắt dạy con cái theo thời bình là khó lắm”. Cô ngồi ngẩn ra một

lúc, rồi bảo: “Tao chỉ dạy chúng nó biết tự trọng, biết xấu hổ còn sau này muốn sống ra sao là tùy”.

**CHÚ THÍCH:**

(Trích “*Một người Hà Nội”*, Nguyễn Khải, Ngữ văn 12 Nâng cao, Tập hai,

NXB Giáo dục, 2008, tr.82)

\* **Bảo Ninh**(18/10/1952) là nhà văn Việt Nam viết tiểu thuyết và truyện ngắn. Ông từng là học sinh trường Bưởi - Chu Văn An, từng tham chiến trong Chiến tranh Việt Nam và là tác giả tiểu thuyết nổi tiếng “Nỗi buồn chiến tranh”. Bằng trải nghiệm của riêng bản thân mình, bước ra từ thời chiến, bảo Ninh mang trong mình những suy tư nặng trĩu, những nỗi đau mất đi người thương ngay trước mắt, ông trải hết lòng vào trông áng văn.

Truyện ngắn “Mây trắng còn bay” ra đời vào năm 1975, vào thời kì đất nước trong giai đoạn đổi mới toàn diện

\* **Nguyễn Khải**là cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Hành trình văn xuôi của ông tiêu biểu cho sự vận động của văn xuôi Việt Nam trước và sau 1975: Trước 1975, vẫn là cây bút giàu chất triết luận nhưng thể hiện cảm hứng lãng mạn để ca ngợi cuộc sống mới, con người mới. Sau 1975, Nguyễn Khải quan tâm đến số phận con người cá nhân trong cuộc sống đời thường, chú ý đến tính cách, tư tưởng của con người trước những biến động của xã hội

Một người Hà Nội sáng tác năm 1990, in trong tập “Hà Nội trong mắt tôi”, tiêu biểu cho truyện ngắn của Nguyễn Khải thời kì đổi mới.

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI – ĐỀ LUYỆN SỐ 02

**1.** **Mở bài:**Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề.

**NGUYỄN VĂN SIÊU ĐÃ TỪNG CHO RẰNG : “VĂN CHƯƠNG CÓ LOẠI ĐÁNG THỜ VÀ LOẠI KHÔNG ĐÁNG THỜ, LOẠI KHÔNG ĐÁNG THỜ LÀ LOẠI CHUYÊN CHÚ Ở VĂN CHƯƠNG, LOẠI ĐÁNG THỜ LÀ LOẠI CHUYÊN CHÚ Ở CON**

***người”***. Văn chương muôn đời là vậy, hướng về con người và vì con người. Và từ đoạn trích trong *“Mây trắng còn bay”*của nhà văn Bảo Ninh và *“ Một người Hà Nội”*của nhà văn Nguyễn Khải ta sẽ hiểu hơn về con người qua hai nhân vật bà cụ và cô Hiền.

**2. THÂN BÀI:**

\* **Khái quát chung:**

**- GIỚI THIỆU HAI TÁC GIẢ HAI TÁC PHẨM:**

Đi giữa đại ngàn văn chương, nếu như Bảo Ninh xuất hiện với những suy tư nặng trĩu, những nỗi đau mất đi người thương ngay trước mắt, mà trải hết lòng vào trong áng văn. thì Nguyễn Khải lại mang đến cho văn chương nước nhà một ngòi bút giàu chất triết luận, nhưng thể hiện cảm hứng lãng mạn để ca ngợi con người và quan tâm đến số phận con người. Hai nhà văn - hai “ dấu vân tay riêng” để lại cho văn đàn một dấu triện đặc biệt.

**\* NHÂN VẬT BÀ CỤ TRONG ĐOẠN TRÍCH 1:**

- Một bà mẹ già nua, gầy guộc, bé nhỏ

- Số phận đáng thuơng: cuộc sống lam lũ, vất vả; chịu những thương đau và mất mát do chiến tranh

- Một người phụ nữ với tình yêu thương con, tình mẫu tử đẹp đẽ thiêng liêng.

=> Tiêu biểu cho số phận của những người mẹ, người vợ chịu nhiều nỗi đau bởi chiến tranh

- Nghệ thuật khắc họa nhân vật

+ Khắc họa nhân vật qua những chi về ngoại hình, lời nói, hành động, cử chỉ, điểm nhìn…

+ Tự sự kết hợp với miêu tả + Lựa chọn chi tiết đặc sắc

+ Giọng xót xa, thương cảm + Đặt nhân vật vào tình huống độc đáo

**\* NHÂN VẬT CÔ HIỀN Ở TRONG ĐOẠN TRÍCH 2:**

- Xuất thân từ một gia đình nề nếp, gốc Hà Nội

- Là một người phụ nữ thông minh, thức thời, tháo vát, luôn có ý thức giữ gìn nề nếp gia phong, yêu Hà Nội

- Thẳng thắn, giàu lòng tự trọng

=> Tiêu biểu cho vẻ đẹp của người Hà Nội

- Nghệ thuật khắc họa nhân vật: Hiện lên qua điểm nhìn của nhân vật Tôi, cái nhìn đa diện, đa chiều.. có sự đan xen giữa giọng tác giả và giọng nhân vật; giọng ngợi ca, ngưỡng mộ…

**\*SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM:**

**- LUẬN ĐIỂM 1. ĐIỂM GIỐNG NHAU CỦA HAI ĐOẠN TRÍCH VỀ NỘI DUNG, NGHỆ THUẬT.**

- Khắc họa nhân vật qua điểm nhìn của nhân vật “tôi”, tạo nên tính chân thực, khách quan, lời kể kết hợp tả, bình, lựa chọn những chi tiết tiêu biểu,

- Những người phụ nữ hiện lên với những vẻ đẹp đáng quý, đáng trân trọng

**- LUẬN ĐIỂM 2. ĐIỂM KHÁC NHAU CỦA HAI TÁC PHẨM/ ĐOẠN TRÍCH VỀ NỘI DUNG, NGHỆ THUẬT.**

- Khắc họa nhân vật bà Cụ, tác giả chú ý miêu tả những chi tiết bên ngoài, ngôn ngữ bình dị, mộc mạc hiện lên hình ảnh của người mẹ nông dân lam lũ, nghèo khổ với nhiễu nỗi đau -> từ đó thẻ hiện niềm cảm thương cho số phận của người phụ nữ, đồng thời bộc lọ rõ những trở trăn về số phận con người về chiến tranh

- Khắc họa nhân vật ở cái nhìn đa diện, đa chiều, ngôn ngữ đậm màu sắc triết lí -> hiện lên hình ảnh của người Hà Nội thuần túy không pha trộn -> Trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của cô Hiền, của người Hà Nội

**- LUẬN ĐIỂM 3. LÝ GIẢI ĐIỂM GIỐNG, KHÁC NHAU VÀ NÊU Ý NGHĨA**

- Hoàn cảnh sáng tác: sau 1975, quan tâm tới số phận con người, con người cá nhân, cái nhìn về đời tư, thế sự…

- Phong cách sáng tác

- Yêu cầu của sáng tạo nghệ thuật

**\* ĐÁNH GIÁ:**

**3.** **Kết bài:**Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.



**ĐOẠN TRÍCH 1:**

*[…]*

NHÀ MẸ LÊ

Thạch Lam

*Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhớn mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bế trên tay.*

*Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gẫy nát. Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chừng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bấc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bế, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm, để mong lấy cái ấm của mình ấp ủ cho nó.*

(Trích Nhà mẹ Lê, *Tuyển tập Thạch Lam*, NXB Văn học, 2015, trang 28-29)

**ĐOẠN TRÍCH 2:**

LÀM MẸ

Nguyễn Ngọc Tư

*(****Lược phần đầu:****Dì Diệu và chú Đức lấy nhau đã nhiều năm nhưng không có con vì năm cưới chú, việc cắt khối u buống trứng đã khiến dì không thể tự sinh con. Bởi niềm khao khát về*

*đứa con chưa lúc nào nguôi nên dì bàn với chú Đức tìm người mang thai hộ. Chị Lành gánh nước thuê vì hoàn cảnh gia đình ngặt nghèo nên nhận lời giúp chú dì. Em bé trong bụng chị Lành ngày một lớn đem đến niềm vui vô bờ cho chú dì, và cũng dấy lên tình mẫu tử ở chị Lành.)*

*Và khi tháng Ba đi qua, đứa bé bắt đầu báo hiệu sự sống. Chị Lành khoe:*

- *Nó đạp rồi, chị Diệu, nó đạp đây nè.*

*Dì Diệu hớn hở vén bụng chị Lành lên, dưới làn da căng mẫn, đứa bé con chòi đạp rối rít. Chị Lành cười giòn:*

- *Nó mạnh quá chị ha....*

*Dì Diệu cười, rồi làm như một cơn gió từ đâu xộc tới, tim dì riết lại một nỗi đau. Dì thèm biết bao nhiêu cái cảm giác che chở cho một sinh linh sống trong mình, để được thèm tới cùng, tới chảy nước dãi món ngọt, món chua, để có thể cảm nhận từ trái tim chứ không phải bằng bàn tay đôi bàn chân bé bỏng quẩy đạp bụng mình thon thót. Đó là những thứ cảm giác thiêng liêng không vay mượn, thuê mướn được: cảm giác làm mẹ. Dì bắt đầu lo lắng, mình đã làm một việc đúng không.*

*Chỉ còn một tháng hai mươi ngày nữa, đứa bé sẽ ra đời. Dì Diệu tính từng ngày, từng bữa. Chị Lành tính từng ngày từng bữa. Người trông cho mau, người trông đừng bao giờ đến. Dì Diệu cố quên cái vẻ mặt buồn bã, van nài của chị Lành. Chị biết, khi đứa bé khóc ngoe ngoe cất tiếng khóc chào đời, là chị với nó sẽ phải chia lìa. Hợp đồng đã ghi rõ ràng như vậy. Chị thấy thương mình, thương con và thương dì Diệu. Chị rối rít ăn, rối rít ngủ vì biết rằng mai nầy rồi chẳng còn nhau...*

(Nguyễn Ngọc Tư, Làm mẹ, *Tập truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*, NXB Trẻ, 5/2024)

**CHÚ THÍCH:**

\* **Thạch Lam**(1910-1942), sinh ra tại Hà Nội, trong gia đình công chức gốc quan lại. Thuở nhỏ sống ở quê ngoại: phố huyện Cẩm Giàng (Hải Dương). Là người đôn hậu và rất đỗi tinh tế.

Ông có quan niệm văn chương lành mạnh, tiến bộ và có biệt tài về truyện ngắn. Mỗi truyện của Thạch Lam như bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm nhưng chứa đựng biết bao tình cảm yêu mến chân thành và sự nhạy cảm trước biến thái của cảnh vật và lòng người. Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc.

\* **Nguyễn Ngọc Tư**sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Với niềm đam mê viết lách, chị miệt mài viết như một cách giải tỏa và thể nghiệm, chị biết rằng chị muốn viết về những điều gần gũi nhất xung quanh cuộc sống của mình. Giọng văn chị đậm chất Nam bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh.

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI – ĐỀ LUYỆN SỐ 03

**1.** **Mở bài:**Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề.

***“Văn học đối với tôi là một hiện tượng đẹp đẽ nhất trên thế giới"***(Pautopxky). Văn học sinh ra để cho đời thêm hoa thơm trái ngọt, cho sự sống vút cao trên mỗi trang văn. Bước vào địa hạt văn học Việt Nam, ta không thể không nhắc tới hai nhà văn Thạch Lam và Nguyễn Ngọc Tư. Bởi đó là hai tác giả, người trước, kẻ sau đã đóng những dấu triện riêng của mình vào nền văn học bằng những thiên truyện hấp dẫn của mình. Đặt 2 đoạn trích trong truyện “Nhà mẹ Lê” của Thạch Lam cạnh “Làm mẹ” của Nguyễn Ngọc Tư ta có thể thấy rõ hơn giá trị đặc sắc của mỗi tác phẩm cũng như sự tương đồng và khác biệt trong lối viết giữa hai tác giả.

**2. THÂN BÀI:**

\* **Khái quát chung:**

- Giới thiệu hai tác giả hai tác phẩm:

Thạch Lam (1910-1942), sinh ra tại Hà Nội, trong gia đình công chức gốc quan lại. Thuở nhỏ sống ở quê ngoại: phố huyện Cẩm Giàng (Hải Dương). Ông là người đôn hậu và rất đỗi tinh tế. Ông có quan niệm văn chương lành mạnh, tiến bộ và có biệt tài về truyện ngắn. Mỗi truyện của Thạch Lam như bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm nhưng chứa đựng biết bao tình cảm yêu mến chân thành và sự nhạy cảm trước biến thái của cảnh vật và lòng người. Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc. Truyện ngắn “Nhà mẹ Lê” kể về cuộc đời nhiều đau khổ, nghèo đói của những người dân ngụ cư. Nổi bật trong đó chính là gia đình nhà mẹ Lê - một người mẹ nghèo, góa chồng và có mười một người con. Cuộc sống tăm tối, nghèo đói, làm bao nhiêu cũng không đủ nuôi con. Cái nghèo cứ đeo bám, vì thương con mẹ Lê đi vay nhà ông Bá ít gạo.

Nhưng số phận trớ trêu, đã không được cho vay mẹ Lê còn bị ông Bá cho chó ra cắn. Từ vết thương ấy, mẹ Lê đã ra đi mãi mãi để lại những đứa con thơ dại.

Nguyễn Ngọc Tư là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Với niềm đam mê viết lách, chị miệt mài viết như một cách giải tỏa và thể nghiệm và biết rằng mình muốn viết về những điều gần gũi nhất xung quanh cuộc sống của mình. Truyện ngắn Làm mẹ được in trong “Tập truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư”, do NXB Trẻ phát hành vào tháng 5 năm 2024. Truyện xoay quanh một quãng đời của nhân vật chính là dì Diệu nhưng khái quát lên được vẻ đẹp của lòng người nhân ái giữa muôn vàn khó khăn của cuộc sống. Dì Diệu lấy chú Đức chưa được bao lâu phải làm phẫu thuật vì khối u buồng trứng khiến dì không thể tự mình sinh con. Trải qua bao đau khổ, buồn bã, dì tìm được tia hi vọng khi chị Lành gánh nước thuê gần nhà vì hoàn cảnh gia đình mà đồng ý mang thai đứa bé hộ dì. Niềm vui đến với dì song hành với niềm hạnh phúc nảy nở trong chị Lành khi cái thai bắt đầu xuất hiện, lớn lên. Một ngày chị Lành bỏ đi mất, dì Diệu đau đớn kiếm tìm trong vô vọng và tự trách mình. Rồi khi chị Lành xuất hiện trở lại, dì Diệu vui mừng khôn xiết, quyết định đốt đi bản hợp đồng ngăn cách tình yêu của hai người mẹ dành cho đứa trẻ.

- Khái quát điểm giống và điểm khác nhau

**\*SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM:**

**- LUẬN ĐIỂM 1. ĐIỂM GIỐNG NHAU CỦA HAI ĐOẠN TRÍCH VỀ NỘI DUNG, NGHỆ THUẬT.**

- Thể loại: truyện ngắn thấm đượm chất trữ tình, chất thơ, giàu xúc cảm

- Đối tượng thẩm mĩ: là người phụ nữ với số phận, cảnh ngộ khác nhau, nhưng đều mang những vẻ đẹp tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam.

- Chủ đề: đều trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ Việt, tình mẫu tử thiêng liêng.

Quả thật, khi đặt hai đoạn truyện trong tác phẩm cạnh nhau, người đọc dễ dàng nhận thấy giữa chúng có không ít điểm tương đồng, gặp gỡ thú vị.

Trước hết hai đoạn trích trong hai tác phẩm có sự gần gũi về thể loại và đề tài. Cùng là truyện ngắn, thấm đượm chất trữ tình, chất thơ, giàu xúc cảm, ở mỗi trang viết, người đọc như cảm nhận được sự nâng niu, trân trọng của mỗi nhà văn với những niềm vui nhỏ bé, bình dị của con người. Hơn nữa, cả hai tác phẩm đều chọn đối tượng thẩm mĩ là người phụ nữ với số phận, cảnh ngộ khác nhau, nhưng đều mang những vẻ đẹp tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam.

Sự tương đồng trong lựa chọn thể loại và đề tài đã đưa đến sự gặp gỡ quan trọng và thú vị hơn: cả hai đoạn trích đều trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ Việt, tình mẫu tử thiêng liêng. Hình ảnh mẹ Lê hiện lên qua lời kể của Thạch Lam là phụ nữ đói nghèo, khổ sở nhưng có khổ đến mấy cũng không bỏ con, thà chịu đói, chịu rét, chịu hết tất cả sự khổ đau thì cũng nuôi con cho bằng được. Sự vĩ đại ấy, cứ âm thầm lặng lẽ, chịu đựng. Ngòi bút truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư trong “Làm mẹ” tái hiện trước mắt bạn đọc một nhân vật dì Diệu đời thường với hoàn cảnh riêng éo le, vì bệnh tật dì Diệu không thể làm mẹ, sinh con, ngày này qua tháng khác dì Diệu đau đáu, không yên. “Làm mẹ” đã để lại cho người đọc một tình mẫu tử thiêng liêng, tình người cao đẹp mà hai người phụ nữ (dì Diệu và chị Lành), hai người mẹ đã dành cho nhau, dành cho đứa con chung của mình. Hai câu chuyện về những cảnh ngộ khác nhau nhưng đều giống như ngọn gió mát lành xoa dịu tâm hồn người đọc, để rồi chúng ta thêm yêu thương những người phụ nữ của mình, để chúng ta biết trân trọng đấng sinh thành và tin tưởng vào vẻ đẹp tâm hồn của những người lương thiện.

**- LUẬN ĐIỂM 2. ĐIỂM KHÁC NHAU CỦA HAI TÁC PHẨM/ ĐOẠN TRÍCH VỀ NỘI DUNG, NGHỆ THUẬT.**

***a.*** ***Đặc điểm nhân vật:***

- Mỗi nhân vật một cảnh ngộ, số phận khác nhau:

+ Mẹ Lê trong thiên truyện của Thạch Lam bị cái nghèo đói đeo đẳng đến khổ sở, thảm hại

+ Hai người phụ nữ trong “Làm mẹ”:

++ Người đau khổ vì thân phận “đẻ thuê”, phải dứt ruột lìa xa đứa con chín tháng mười ngày mang nặng đẻ đau, dầu không chung dòng máu.

++ Kẻ tủi phận, đắng cay vì mang thân phụ nữ mà không có được may mắn tận hưởng thiên chức làm mẹ, chỉ biết âm thầm thèm ước, khát khao

- Mỗi nhân vật mang một vẻ đẹp riêng:

+ Nếu người mẹ của mười một đứa con khiến ta hết mực yêu thương ở sự tần tảo, chịu thương chịu khó, dãi nắng dầm sương, không quản nhọc nhằn, đói khát để mang cho con hạt gạo, miếng cơm;

+ Thì người phụ nữ chưa một lần được gọi hai tiếng “mẹ ơi” của Nguyễn Ngọc Tư vẫn dư đầy sự nhân hậu, bao dung, vị tha và cao thượng; không chỉ khát con, yêu con, chị còn biết thấu cảm, sẻ chia với nỗi khổ đau của người khác; không vì lòng ích kỉ, vụ lợi mà cạn tình cạn nghĩa.

**B. NGHỆ THUẬT**

- Ngôn ngữ:

+ Thạch Lam ưa dùng thứ ngôn ngữ đậm chất nông dân thuần hậu, chất phác

+ Nguyễn Ngọc Tư lại khéo léo thổi vào ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật cái hơi thở tươi trẻ và hiện đại hơn

- Xây dựng hình tượng trung tâm:

+ Mẹ Lê – một người mẹ thôn quê già nua và nghèo khó

+ nữ nhà văn Nam Bộ lại khắc họa cùng một lúc hai hình ảnh phụ nữ hiện đại trẻ trung, sống tốt đời đẹp đạo mà thân phận thật lắm éo le. => lối kể chuyện đối sánh, kết hợp với nghệ thuật miêu tả nội tâm sâu sắc, tinh tế

- Nghệ thuật dựng truyện:

+ “Nhà mẹ Lê” tựa như thước phim toàn cảnh về một quãng đời gian khó của người phụ nữ nông dân; thiên về kể và tả cảnh đời, cảnh thiên nhiên

+ Câu chuyện của dì Diệu, chị Lành trong “Làm mẹ” chỉ đơn thuần là sự bắt lấy một khoảnh khắc chuyện trò tâm tình của hai người đàn bà xoay quanh đứa “con chung” của họ. Một bên; đi sâu và thế giới tâm tư tình cảm đầy những góc khuất, những niềm đau chôn giấu của nhân vật.

- ***Luận điểm 3. Lý giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa***

**\* ĐÁNH GIÁ:**

**3.** **Kết bài:**Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.

Có thể nói, chính những điểm gặp gỡ và khác biệt của hai đoạn trích về cả nội dung lẫn nghệ thuật thể hiện đã góp phần làm phong phú thêm những trang viết về đề tài tình mẫu tử, người phụ nữ trong văn học Việt Nam; đồng thời, khẳng định sự độc đáo, ấn tượng trong lối kể chuyện, phong cách văn chương của hai cây bút truyện ngắn xuất sắc của hai thời đại. Dù khác nhau trong “đôi mắt” nghệ thuật và “đôi tay” sáng tạo nhưng cả hai đều xứng đáng với vị trí những nhà văn hiện đại đầy tài năng, có tấm lòng nhân đạo bao la, với những trang viết thổn thức trái tim bạn đọc muôn đời.



**ĐOẠN TRÍCH 1:**

ÔNG NGOẠI

Nguyễn Ngọc Tư

*(****Tóm tắt đoạn đầu:****Gia đình cậu mợ của Dung đi định cư nước ngoài. Mẹ Dung quyết định cho Dung sang ở với ông Ngoại để tiện bề trông nom ông. Dung dù không muốn nhưng vẫn nghe lời mẹ)*

*Sang bên ấy được hai hôm, Dung chạy về mẹ, than thở lướt sướt: "Ở với ông ngoại buồn muốn chết, đi học về, mở karaoke lại sợ ồn, nói chưa được mấy câu thì hết chuyện. Chẳng lẽ con lại nói chuyện tình yêu với ông ngoại à? Bọn bạn không dám lại nhà chơi. Ông khó lắm. Con mở nhạc cũng ngại, con nấu cơm khét ông mắng cả buổi. Suốt ngày ông cứ lo tỉa tót cho mấy chậu*

*kiểng, mấy con cá vàng. Con hỏi:" Ngoại chăm sóc hoài không chán sao? ", Ngoại nói" Cây cũng có linh hồn. Con không tin, ghé tai vào nghe thử, có cây nào than buồn, có cây nào thèm nghe Michael Jackson đâu ".*

*(Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà. Thế giới của ông là mấy ông bạn già và thế giới của Dung là tiếng nhạc gào thét xập xình. Hai thế giới vừa giành giựt vừa hòa tan nhau.)*

*Hôm bữa Dung nói với ông:*

- *Sao ông Chín bên nhà rủ ngoại đi tham gia câu lạc bộ gì đó, ngoại không đi?*

*Ông nhìn Dung thật lâu:" Ngoại sợ con ở nhà một mình buồn ". Dung chột dạ, có bao giờ đi chơi mà mình nghĩ tới ông không.*

*Có những sự thay đổi Dung không thể ngờ được. Bây giờ mỗi đêm Dung trở mình nghe ông ngoại ho khúc khắc. Nghe cây mai nhỏ nứt mình, nảy chồi Dung nghiện hương trầm tối tối ông thắp lên bàn thờ bà ngoại. Lắm khi lũ em Dung sang, chúng nó phá phách quậy tung cả lên, Dung mắng, chúng nó trề môi "Chị hai khó như một bà già", Dung giật mình. Có lẽ quen với cái tĩng lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, cái khoảng không xanh lạc lõng trong khói bụi, đâu đó, trên tàng me già, dăm chú chim hót líu lo Dung quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hõm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cọc cạch lên phường lương hưu. Có một điều Dung ngày càng nhận ra tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc như lời kêu cứu. Chủ nhật Dung cắm cúi lau chùi bên dàn karaoke phủ bụi, ông đứng lên nheo mắt:*

- *Sao con không hát, con hát rất hay mà. - Dung thoáng ngỡ ngàng, nó hỏi:*

- *Ngoại có thích nghe không?*

*Rồi mở máy. Hôm ấy Dung rất vui, lần đầu tiên nó hát cho riêng ông nghe và quan trọng nhất là ông đã ngồi lại đấy, gật gù.*

*(Tóm tắt: Sinh nhật Dung, ông và Dung cùng làm bánh kem mời bạn bè đến thật đông. Hôm ấy, hai ông cháu cùng nhảy điệu tango, đám bạn ai cũng khen, Dung hãnh diện lắm.)*

(Trích Ông ngoại, *tập truyện Ông ngoại*, Nguyễn Ngọc Tư, NXB trẻ, 2001)

**ĐOẠN TRÍCH 2:**

GIÀN BẦU TRƯỚC NGÕ

Nguyễn Ngọc Tư

***Tóm tắt:****Gia đình tôi không thích giàn bầu vì gây bất tiện và khiến họ ngán ăn, nhưng không ai dám chặt vì đó là của bà nội, bà trồng để nhớ quê. Cha tôi cho rằng quê hương là khắp đất nước và đã đưa bà nội lên thành phố sống cùng gia đình.*

*Ở nhà tôi, công việc nhàn đến mức bà thơ thẩn vào rồi lại thơ thẩn ra. Nhà cao cửa rộng, khéo đi, cả ngày chẳng ai gặp mặt ai. Chị tôi đi học cả ngày, mẹ tôi đến sở. Bà ra cửa trước, tôi vào cửa sau, bà lên lầu, cha đi xuống, gặp nhau ở lối ngõ cầu thang, nội ngó cha, nhắc “Lúc này bay bận rộn, đến không không ăn cơm ở nhà, khéo ngã bệnh nghen con”. Cha cười “má khỏi lo”. Rồi mỗi người mỗi ngả. Bà năng xuống bếp, quấn quít ở đấy. Chị bếp khoe:*

- *Bác ơi, con làm bánh tổ nè, bác cháu mình cùng ăn nghen.*

*Bà tôi gật gù khen ngon. Tôi tò mò nhón lấy một miếng ăn thử, nó ngòn ngọt dai dai. Thứ bánh nhà quê này xem ra có khác với Sandwich, chocolate. Bà làm nhiều thứ bánh lắm, không kể hết được, nào là bánh ngọt, bánh ú* *toàn là bánh nhà quê, mà hình như chỉ tôi ăn, ba mẹ, chị*

*Lan đều tránh xa xa hỏi " Bánh đó ăn ra làm sao? " Tôi khoe "Sáng này nội làm bánh khọt ngọt ngon lắm."Chị Lan tròn mắt" bánh gì tên ngộ vậy?*

*Ừ, ngộ, ngộ chứ. Nội mua về cái lò đất khói tù mù. Cha tôi chê. Nội mang ra ngoài hè để đỡ ám khói tường nhà. Bà bảo: "Làm bánh khọt thì phải đốt bằng lò đất, nó mới ngon". Bà đốt lửa, mắt già tèm nhem nước mắt mùi khói thơm thơm, cay nồng. Mùa này nhiều trái bầu khô, nội hái vào móc ruột ra, lấy cái vỏ mằn mì gọt. Lâu lâu nội đưa lên nhìn, nheo nheo mắt. Tôi hỏi, nội gọt gì. Nội cười, đưa cho tôi mảnh vỏ dầy hình trái tim nỏ xíu.*

- *Mặt dây chuyền cho tụi nhỏ đeo. Tôi không nén được xuỳ một tiếng.*

- *Thời này ai đeo mấy thứ này, nội làm chỉ mất công.*

*Trong đôi mắt đùng đục của bà, tôi thấy có một nỗi buồn sâu kín…..*

***Tóm tắt:****Giàn bầu thưa dần đi khi trời mưa và bà nội tôi bị tai biến não, trở nên lơ ngơ và chỉ nhớ về quá khứ. Cha tôi nói rằng dù có thể đưa người ta ra khỏi quê hương, nhưng không thể tách quê hương ra khỏi trái tim họ, điều mà tôi thấy đúng khi nhìn bà nội ngồi lặng lẽ dưới giàn bầu.*

*(Trích Giàn bầu trước ngõ, Nguyễn Ngọc Tư, sach.info/story.php)*

**Chú thích:**Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976, quê ở Cà Mau. Giọng văn Nguyễn Ngọc Tư giàu chất Nam Bộ, lối kể nhẹ nhàng. Sáng tác của cô chủ yếu viết về những câu chuyện bình dị của con người vùng sông nước Nam Bộ - quê hương tác giả, mượn văn hóa Nam Bộ để bao bọc khát vọng đem tình người ấm áp hòa giải mọi ranh giới, mọi khoảng cách. Với trái tim nhân hậu, nhạy cảm, Nguyễn Ngọc Tư đã dành sự quan tâm yêu mến đặc biệt cho đối tượng trẻ em.

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI – ĐỀ LUYỆN SỐ 04

**1.** **Mở bài:**Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề.

- Giới thiệu tác giả, và 2 đoạn trích.

- Nêu vấn đề nghị luận: nghệ thuật kể chuyện của Nguyễn Ngọc Tư qua hai truyện ngắn.

Nguyễn Ngọc Tư đã từng chiêm nghiệm rằng: ***"Truyện ngắn như một tấm ảnh chụp nhanh, bắt lấy khoảnh khắc đáng nhớ của cuộc đời."***Nó là một lát cắt ngắn nhưng sự sống được kết tinh một cách đậm đặc. Vốn là một nhà văn nổi tiếng của Việt Nam, với những truyện ngắn mang đậm chất quê hương Nam Bộ. Hai truyện ngắn "Ông ngoại" và "Giàn bầu trước ngõ" là những tác phẩm tiêu biểu cho nghệ thuật kể chuyện của bà. Nghệ thuật kể chuyện của Nguyễn Ngọc Tư không chỉ mang lại những câu chuyện đầy cảm xúc mà còn gửi gắm những thông điệp sâu sắc về cuộc sống và con người. Qua hai tác phẩm này, chúng ta có thể thấy rõ tài năng và phong cách kể chuyện độc đáo của bà.

**2. THÂN BÀI:**

**Thân bài:**

- **Giải thích:**nghệ thuật kể chuyện (storytelling) là một hình thức giao tiếp, truyền tải thông điệp, cảm xúc và thông tin thông qua việc kể lại các câu chuyện. Nghệ thuật kể chuyện không chỉ đơn thuần là việc kể lại sự kiện mà còn là sự kết hợp giữa sáng tạo, cảm xúc và kỹ thuật để tạo nên một trải nghiệm đáng nhớ cho người nghe hoặc người đọc.

**- ĐIỂM GIỐNG NHAU TRONG NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ QUA HAI ĐOẠN TRÍCH:**

+ Truyện ngắn với cốt truyện đơn giản, thời gian ngắn, không gian nhỏ hẹp, xoay quanh cuộc sống đời thường, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình.

+ Cách đặt nhan đề: Mộc mạc hướng đến nhân vật, đề tài, góp phần thể hiện chủ đề.

+ Ngôn ngữ đời thường, đậm chất Tây Nam Bộ và có giá trị biểu cảm cao; giọng điệu tự nhiên, nhẹ nhàng nhưng thấm thía.

+ Giàu tính nhân văn khi đề cập đến sự nối kết thế hệ: Tình cảm gia đình, tinh thần trách nhiệm, biết sẻ chia, hi sinh.

**- ĐIỂM KHÁC BIỆT:**

**\* TRUYỆN NGẮN: “ÔNG NGOẠI”**

+ Ngôi kể thứ ba, người kể chuyện toàn tri cho phép người kể chuyện quan sát được tất cả các nhân vật.

+ Người kể chuyện nương theo điểm nhìn của nhân vật Dung.

+ Chủ đề và tư tưởng tác phẩm: Qua quá trình rút ngắn khoảng cách thế hệ để thấu hiểu, yêu thương giữa Dung và ông ngoại, tác phẩm hướng tới đề cao những giá trị nhân văn truyền thống.

**\* TRUYỆN NGẮN “ GIÀN BẦU TRƯỚC NGÕ”**

+ Ngôi kể thứ ba, người kể chuyện hạn tri:

+ Tâm trạng và cảm xúc của bà: Bà tận hưởng việc làm bánh, tìm niềm vui trong những công việc truyền thống. Tuy nhiên bà vẫn có một nỗi buồn sâu kín.

**- ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

+ Giàu tính nhân văn khi đề cập đến sự nối kết các thành viên trong gia đình.

+ Nghệ thuật kể chuyện rất tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ngọc Tư.

**3.** **Kết bài:**Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.

Nguyễn Minh Châu đã từng viết: ***"Nhà văn chân chính là người suốt đời đi tìm kiếm hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người, để rồi bằng tài năng và trái tim của mình, mang những hạt ngọc ấy ra ánh sáng, soi rọi và làm đẹp cho đời."***Có lẽ Nguyễn Ngọc Tư đã thành công trong vai trò của một nhà văn chân chính, viết về cuộc đời và tấm lòng vì cuộc đời. Với nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, bà phát triển các tình tiết khiến câu chuyện trở nên hấp dẫn. Nghệ thuật kể chuyện của bà không chỉ thu hút người đọc mà còn để lại những ấn tượng sâu sắc về giá trị nhân văn và tình cảm gia đình. Qua hai truyện ngắn "Ông ngoại" và "Giàn bầu trước ngõ", chúng ta có thể thấy rõ sự tinh tế và tài năng của Nguyễn Ngọc Tư trong việc kể chuyện, mang đến những câu chuyện đầy cảm xúc và ý nghĩa.

**------------------------ HẾT ------------------------**

DẠNG BÀI SO SÁNH ĐÁNH GIÁ - NGỮ VĂN 12

Nguyễn Minh Châu từng nói: “Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm, mà tâm điểm là con người”. Câu nói ấy dường như đã vẽ nên con đường sáng tác đầy biến động của ông - từ những năm tháng hào hùng của chiến tranh đến thời kỳ đổi mới đầy trăn trở. Trong hành trình ấy, ông không ngừng tìm kiếm, khám phá những góc khuất trong tâm hồn con người, những bi kịch thầm lặng và vẻ đẹp ẩn giấu sau những khổ đau. Hai nhân vật Nguyệt trong “Mảnh trăng cuối rừng” và người đàn bà hàng chài trong “Chiếc thuyền ngoài xa” chính là minh chứng rõ nét cho sự đa dạng trong phong cách và tư duy nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu. Một bên là hình ảnh tươi sáng, tràn đầy sức sống của tuổi trẻ giữa bom đạn; một bên là nỗi đau âm thầm, đầy u uất của kiếp người sau chiến tranh. Hai nhân vật này, hai bức chân dung tưởng như đối lập, lại cùng hội tụ và phản chiếu những giá trị nhân bản sâu sắc mà Nguyễn Minh Châu muốn gửi gắm. Qua sự tương phản trong cách giới thiệu nhân vật, ta không chỉ thấy được tài năng của nhà văn mà còn là bức thông điệp đầy nhân văn về cuộc sống, con người và số phận.

Nguyễn Minh Châu, một trong những cây bút hàng đầu của nền văn học Việt Nam hiện đại, không chỉ được biết đến với tài năng sáng tạo mà còn với khả năng khám phá chiều sâu tâm hồn con người. Qua hai giai đoạn sáng tác trước và sau đổi mới, ông đã có những thay đổi đáng kể trong cách tiếp cận và xây dựng nhân vật. Từ vẻ đẹp lý tưởng hóa của chiến tranh đến hiện thực khắc nghiệt của đời sống hậu chiến, cách giới thiệu nhân vật Nguyệt trong “Mảnh trăng cuối rừng” và người đàn bà hàng chài trong “Chiếc thuyền ngoài xa” là minh chứng rõ nét cho sự chuyển mình ấy. Hai hình ảnh, một thanh xuân rạng rỡ, một bi kịch thầm lặng, không chỉ đối lập về hình thức mà còn ẩn chứa những tư tưởng sâu sắc về con người và cuộc đời.

Trong “Mảnh trăng cuối rừng”, Nguyệt xuất hiện như một vệt sáng đầy lãng mạn giữa chiến trường khốc liệt. Cô không chỉ là nhân vật nữ chính mà còn là biểu tượng của vẻ đẹp trẻ trung, tươi sáng, nổi bật giữa những căng thẳng và khói lửa chiến tranh. Nguyễn Minh Châu giới thiệu Nguyệt qua cái nhìn đầy tò mò và ngạc nhiên của Lãm – người lính lái xe. Nguyệt bước vào câu chuyện một cách nhẹ nhàng nhưng đầy sức sống với “đôi gót chân bóng hồng, sạch sẽ, đôi dép cao su cũng sạch sẽ, gấu quần lụa đen chầm chậm mắt cá”. Cô hiện lên không chỉ với ngoại hình thanh tao, duyên dáng mà còn với phong thái tự tin, bản lĩnh và có phần tinh nghịch, tạo nên sự cuốn hút khó cưỡng.

Lãm, ngay từ khoảnh khắc đầu tiên nhìn thấy Nguyệt, đã nhận ra một vẻ đẹp giản dị và mát mẻ “như sương núi” – cái đẹp vừa mong manh, vừa cao quý, nhưng lại ẩn chứa sức sống mãnh liệt. Cách Nguyễn Minh Châu miêu tả Nguyệt gợi lên sự ngưỡng mộ và rung động về một vẻ đẹp lý tưởng, một hình ảnh đẹp đẽ của tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến. Ở Nguyệt không có dấu vết của gian lao hay nhọc nhằn, mà chỉ có sự hồn nhiên, trong sáng, khiến người đọc cảm nhận được niềm tin và khát vọng cháy bỏng của thế hệ trẻ trong cuộc chiến bảo vệ Tổ quốc.

Trái ngược hoàn toàn với sự xuất hiện đầy lãng mạn của Nguyệt, nhân vật người đàn bà hàng chài trong “Chiếc thuyền ngoài xa” lại hiện lên với một hình ảnh đầy bi thương, thô kệch và u ám. Không còn là những gam màu sáng của lý tưởng, Nguyễn Minh Châu chuyển sang một bảng màu tối tăm, lạnh lẽo, phác họa chân thực về cuộc sống nghèo khó và đau khổ của những con người lao động sau chiến tranh. Người đàn bà hàng chài hiện lên qua cái nhìn đầy xót xa của Phùng, với “thân hình quen thuộc của đàn bà vùng biển, cao lớn với những đường nét thô kệch. Mụ rỗ mặt”. Bằng những nét vẽ chân thực, tác giả không ngần ngại phơi bày sự khắc nghiệt mà người đàn bà ấy phải chịu đựng. Gương mặt mệt mỏi, tái ngắt sau một đêm dài thức trắng kéo lưới, dáng điệu cam chịu, lưng còng xuống như chính những nỗi buồn nặng trĩu đang đè lên đôi vai.

Sự xuất hiện của người đàn bà hàng chài là một cú va đập mạnh vào tâm hồn người đọc và nhân vật Phùng. Nếu Nguyệt khiến ta rung động bởi sự tươi mới, thì người đàn bà hàng chài lại ám ảnh ta bởi sự tàn khốc của hiện thực. Nguyễn Minh Châu không còn vẽ nên những hình tượng đẹp đẽ trong chiến tranh mà thay vào đó là sự đối mặt với những góc tối của cuộc đời – nơi con người phải vật lộn với nghèo đói, bạo lực và những nỗi đau không lời. Hình ảnh người đàn bà vùng biển với khuôn mặt rỗ, thân hình thô kệch, lưng cong còng gợi lên nỗi đau xót về một kiếp người mỏi mòn, gánh chịu những trận bão tố của cuộc đời. Cách tác giả miêu tả nhân vật này không chỉ là sự phản ánh hiện thực mà còn là lời tố cáo âm thầm về những bất công và nỗi thống khổ mà những người phụ nữ phải gánh chịu.

Qua hai nhân vật, Nguyễn Minh Châu thể hiện sự thay đổi rõ rệt trong tư duy sáng tác. Trước 1975, nhân vật của ông như Nguyệt thường mang tính biểu tượng, đại diện cho những lý tưởng cao đẹp của con người trong chiến tranh. Nhưng sau 1975, khi chiến tranh đã qua đi, nhà văn chuyển sang một cái nhìn trực diện và phũ phàng hơn với hiện thực đời sống. Người đàn bà hàng chài trong “Chiếc thuyền ngoài xa” không còn là biểu tượng của lý tưởng mà là hiện thân của những mảnh đời vỡ nát, những nỗi đau hiện thực đang gặm nhấm cuộc sống của con người. Qua sự đối lập giữa hai nhân vật, Nguyễn Minh Châu không chỉ khắc họa những bi kịch cá nhân mà còn gửi gắm những trăn trở, những suy tư sâu sắc về cuộc sống và số phận con người.

Qua hai tác phẩm này, Nguyễn Minh Châu đã chứng minh tài năng và bản lĩnh của mình trong việc phản ánh hiện thực và con người. Từ vẻ đẹp tươi trẻ, lạc quan của Nguyệt đến sự mệt mỏi, cam chịu của người đàn bà hàng chài, ông đã cho thấy một bức tranh đa chiều về con người Việt Nam trong và sau chiến tranh. Những nhân vật của ông không chỉ là những con người cụ thể, mà còn là biểu tượng cho những giá trị, những nỗi đau và khát vọng vươn lên khỏi nghịch cảnh. Sự tương phản ấy đã tạo nên một sức hấp dẫn đặc biệt, để lại trong lòng người đọc những dư âm sâu sắc về những mảnh đời và những góc khuất mà không phải ai cũng dễ dàng nhìn thấy.

SO SÁNH NHÂN VẬT - THẠCH LAM

THANH - DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN

LIÊN - HAI ĐỨA TRẺ

-----------

Văn học tựa như dòng chảy bất tận của thời gian, luôn lưu giữ những khoảnh khắc đẹp đẽ và cảm xúc sâu lắng về con người và cuộc đời. Với Thạch Lam - cây bút xuất sắc của văn học lãng mạn Việt Nam đầu thế kỷ XX, văn chương không chỉ là nghệ thuật ngôn từ mà còn là nghệ thuật khám phá chiều sâu tâm hồn. Ông đã từng nói rằng: “Đối với tôi, văn chương không phải là một cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên; trái lại, văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn.” Thạch Lam không viết về những điều to lớn, không hướng ngòi bút đến những biến động xã hội rực rỡ hay đen tối, mà ông tìm kiếm sự chân thật, bình dị trong những gì gần gũi, nhỏ bé nhất. Qua từng trang văn, người đọc không chỉ nhìn thấy cuộc đời mà còn nghe thấy những nhịp đập thổn thức của tâm hồn.

Hai truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan” và “Hai đứa trẻ” là những minh chứng tiêu biểu cho quan điểm sáng tác ấy. Ở đó, nhân vật Thanh và Liên không phải những người anh hùng hay kẻ phi thường, mà là những con người bình dị với những nỗi niềm, khát khao và mong mỏi rất đỗi đời thường. Một Thanh nhạy cảm với những điều xưa cũ, luôn tìm về với ký ức để tìm lại hơi ấm gia đình; một Liên với tâm hồn mộng mơ giữa phố huyện tăm tối, khao khát ánh sáng từ ký ức rực rỡ của Hà Nội. Hai nhân vật, hai cảnh đời, nhưng chung một sợi dây liên kết chính là sự khát khao yêu thương, mong muốn tìm lại sự an yên giữa dòng đời khắc nghiệt. Thạch Lam đã vẽ nên những bức tranh tâm hồn đầy cảm xúc qua lăng kính nhân văn, trân trọng những gì bình dị mà sâu sắc nhất của con người.

Trong nền văn học Việt Nam, Thạch Lam được biết đến như một nhà văn tài hoa, nhạy cảm với cuộc đời và con người. Ông không vẽ nên những khung cảnh hào hùng hay sôi nổi, mà đi sâu khám phá những khoảnh khắc bình dị, mộc mạc trong đời sống thường ngày, đặc biệt là những số phận bé nhỏ, lặng lẽ. Hai truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan” và “Hai đứa trẻ” là minh chứng rõ nét cho phong cách ấy, khi Thạch Lam đặt nhân vật của mình vào những không gian trầm lắng để từ đó phác họa nên tâm hồn của họ. Thanh trong “Dưới bóng hoàng lan” và Liên trong “Hai đứa trẻ” tuy khác nhau về hoàn cảnh, nhưng đều mang những nỗi niềm riêng, phản ánh khát khao về tình cảm gia đình, ký ức và cuộc sống an yên. Qua hai nhân vật này, Thạch Lam đã tạo nên những bản nhạc trữ tình sâu lắng, đầy cảm xúc về con người và cuộc đời.

Trong truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan”, nhân vật Thanh hiện lên qua một lần trở về quê thăm bà, nơi gắn bó với những ký ức tuổi thơ. Thạch Lam đã khắc họa Thanh qua cảnh chàng nhẹ nhàng bước vào ngôi nhà cũ, nơi những “vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió”, nơi có “mùi lá tươi non phảng phất trong không khí”. Thanh được miêu tả là người tinh tế, nhạy cảm với mọi điều nhỏ bé, từ cảnh vật yên tĩnh đến những chi tiết quen thuộc trong ngôi nhà như con mèo già hay mùi trầu bà chàng nhai. Sự trở về của Thanh không chỉ là sự trở về về mặt không gian, mà còn là sự tìm lại những giá trị thân thuộc, những kỷ niệm về người bà yêu thương đã gắn bó với tuổi thơ đầy khó khăn nhưng ấm áp tình người. Thanh cảm nhận rõ sự chở che, bao bọc từ không gian quen thuộc ấy, từ người bà già nua, lưng còng nhưng vẫn là điểm tựa vững chắc cho anh.

Qua những chi tiết miêu tả không gian và tâm trạng của Thanh, Thạch Lam đã khéo léo gợi lên hình ảnh một người trẻ mang trong mình tình yêu sâu sắc với gia đình và quê hương. Sự im lặng, yên tĩnh của ngôi nhà như phản ánh tâm hồn Thanh – một tâm hồn khao khát sự bình yên, mong muốn tìm lại những gì đã mất. Thanh không chỉ cảm nhận ngôi nhà bằng thị giác, mà còn bằng cả trái tim đang rung lên trước những kỷ niệm xưa cũ. Sự đối lập giữa cái nắng gắt bên ngoài và sự mát mẻ, thanh bình bên trong khu vườn càng làm nổi bật hơn nỗi nhớ nhung, sự trân trọng của Thanh đối với những giá trị giản dị nhưng thiêng liêng.

Trong khi đó, nhân vật Liên trong “Hai đứa trẻ” lại sống trong một không gian khác hẳn - một phố huyện nghèo nàn, buồn tẻ, nơi cuộc sống trôi qua chậm chạp và mỏi mòn. Liên được miêu tả là một cô gái nhỏ, giàu tình cảm và luôn trăn trở với cuộc sống xung quanh. Trong đoạn trích, Liên đang ngồi trên chiếc chõng tre dưới gốc bàng, nhìn ngắm cảnh phố huyện trong bóng tối với những ngọn đèn leo lét, những con người nhỏ bé đang vật lộn kiếm sống. Liên cảm nhận rõ cái nghèo, cái tăm tối của nơi phố huyện khi “tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà”. Đêm tối đã trở thành quen thuộc với Liên, nhưng đằng sau sự quen thuộc ấy là một nỗi buồn man mác, một niềm khao khát về ánh sáng, về niềm vui và những ký ức đẹp đẽ của quá khứ.

Nhân vật Liên mang trong mình những ký ức mơ hồ nhưng đẹp đẽ về Hà Nội, về những cốc nước lạnh xanh đỏ, về một thời ấm no khi mẹ còn nhiều tiền. Đối lập với những ký ức rực rỡ ấy là hiện tại tăm tối và quẩn quanh nơi phố huyện nghèo nàn, nơi ánh sáng chỉ le lói từ ngọn đèn con của chị Tí hay bếp lửa của bác Siêu. Hình ảnh ngọn đèn dầu vặn nhỏ trong cửa hàng của Liên chính là biểu tượng cho cuộc sống của cô – nhỏ bé, thưa thớt và đầy chênh vênh. Tuy nhiên, trong sự nhỏ bé ấy, Liên vẫn giữ cho mình một tâm hồn nhạy cảm, biết thương cảm và trân trọng những mảng đời xung quanh. Cô không chỉ quan sát mà còn đồng cảm sâu sắc với những con người sống trong nghèo đói, với gia đình bác xẩm, với cái thau sắt trắng và giọng hát chưa cất lên vì không có người nghe.

Nếu Thanh tìm về để nhớ lại những ngày tháng ấm áp bên người bà yêu thương, thì Liên lại sống trong nỗi nhớ mơ hồ về một quá khứ tươi sáng, đối lập với hiện tại tù túng. Cả hai nhân vật đều mang trong mình những nỗi niềm riêng, những trăn trở về cuộc sống và ký ức. Thanh và Liên đều khao khát tìm kiếm sự bình yên, nhưng một người tìm về ký ức để thấy mình vẫn còn được bao bọc, che chở, còn người kia lại tìm trong ký ức những ánh sáng nhỏ nhoi để bớt đi sự tăm tối của hiện tại.

Qua cách miêu tả hai nhân vật Thanh và Liên, Thạch Lam không chỉ phác họa những chân dung cá nhân mà còn gửi gắm những suy tư sâu sắc về cuộc sống. Ông trân trọng những ký ức đẹp, những tình cảm gia đình thiêng liêng và cả những mong mỏi bình dị của con người. Thanh và Liên, mỗi người một hoàn cảnh, nhưng đều phản ánh khát khao được sống trong yêu thương, trong những giá trị tinh thần giản dị mà bền vững. Qua đó, Thạch Lam đã thể hiện sự đồng cảm sâu sắc với những số phận con người, đồng thời tôn vinh những vẻ đẹp ẩn giấu sau những mảnh đời bình thường và lặng lẽ.

SO SÁNH HAI ĐOẠN TRÍCH TRONG TRUYỆN NGẮN “LỤM CÒI” CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ VÀ “TỪ NGÀY MẸ C.H.Ế.T” CỦA NAM CAO 

Mở bài: Giới thiệu hai đoạn trích trong truyện ngắn Lụm còi của Nguyễn Ngọc Tư và Từ ngày mẹ c.hết của Nam Cao.

Rất dễ để nhìn thấy những đau thương mất mát đánh ngã gục những người trưởng thành. Thế còn những đứa trẻ thì sao? Ai có thể thấu hiểu những xót xa trong lòng chúng khi chúng phải chịu tổn thương? Những nhà văn có lẽ sẽ trả lời được những câu hỏi này. Với tấm lòng yêu thương mênh mông họ dễ dàng hòa chung cảm xúc với bọn trẻ. Nguyễn Ngọc Tư và Nam Cao qua đoạn trích Lụm còi và Từ ngày mẹ c.hết đã tỏa nhân văn lên những thân phận trẻ thơ thiệt thòi, tội nghiệp, đáng thương. Mỗi nhà văn với cách tiếp cận khác nhau, đã theo những cách khác nhau làm thổn thức tâm tư bạn đọc.

Thân bài:

1. Luận điểm 1: Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,...

a. Từ ngày mẹ c.hết của Nam Cao là một trong những truyện ngắn cảm động về tình cảm mẹ con. Câu chuyện kể về cuộc sống của Ninh sau khi mẹ mất đi. Biết bao khốn khổ phủ đầy lên cuộc đời những đứa trẻ mồ côi. Đoạn trích khắc họa rõ nét nhất những tủi hờn, côi cút của hai chị em Ninh khi mẹ mới vừa mất, bố đã sinh bài bạc, nợ nần, bê tha.

b. Lụm còi của Nguyễn Ngọc Tư kể về cuộc gặp gỡ tình cờ của hai nhân vật “Tôi” và Lụm. Nhân vật tôi bỏ nhà đi bụi vì bị ba đánh tội lấy tiền của mẹ đi chơi điện tử mà không xin phép. Đêm tối, tại ngã tư chỗ rẽ về nhà ngoại, nhân vật tôi đã gặp Lụm còi - cậu bé bị bỏ rơi, đen nhẻm, còi cọc, ngày bán bánh mì, đêm tới ngã tư mong chờ mẹ đến đón. Tại đây hai đứa trẻ đã trò chuyện cùng nhau. Cuộc sống tội nghiệp, khổ sở của Lụm khiến tôi nhận ra nhiều điều. Đoạn trích chính là những lời tâm sự của Lụm.

2. Luận điểm 2: Những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai đoạn trích truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy

a. Những điểm tương đồng giữa hai đoạn trích:

- Đề tài, nhân vật: Cả hai đoạn trích đều hướng tới đề tài gia đình, mà nhân vật trung tâm trong đó là những đứa trẻ khốn khổ khi chúng phải chịu cảnh thiệt thòi vì không có mẹ ở bên.

- Quan điểm thẩm mĩ và cách tiếp cận hiện thực: Cả hai nhà văn đều hướng ngòi bút vào hiện thực chua chát nơi cuộc đời những đứa trẻ. Và rồi từ đó làm sáng lên những tấm lòng nhân đạo cao cả. Trong trái tim rộng mở của các nhà văn, tình mến thương dành cho những đứa trẻ bao giờ cũng sâu đậm. Họ viết về chúng bằng ngòi bút thấu hiểu, sẻ chia, họ nâng niu từng xúc cảm trong những tâm hồn ngây thơ, trong sáng, trong những trái tim mỏng mảnh, yếu ớt và rất dễ tổn thương,…

b. Những điểm khác biệt và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy:

- Cách kể chuyện:

+ Lụm còi: Tác giả chọn ngôi kể là ngôi thứ nhất; điểm nhìn chủ yếu đặt vào nhận vật tôi để khắc họa hành trình nhận thức của tôi. Do đó qua lời kể của nhân vật tôi, Lụm hiện ra càng khốn khổ thì càng đánh thức ý nghĩa của gia đình đối với nhân vật tôi.

+ Từ ngày mẹ c.hết: Nam Cao vẫn giữ nguyên cách kể thường thấy: ông chọn ngôi kể thứ ba, cố tạo dáng vẻ của người ngoài cuộc khách quan, vô tư để lẩn tránh cảm xúc. Tuy vậy ông không giấu nổi những xót thương vô hạn. Đôi khi, điểm nhìn ông không để toàn tri mà thu gọn lại hạn tri qua điểm nhìn của Ninh, điều đó thể hiện rõ sự thấu hiểu, đồng cảm, sẻ chia, trân trọng.

- Cách xây dựng nhân vật:

+ Lụm còi:

Hoàn cảnh, số phận: Mẹ bỏ rơi, sống nghèo khổ, đói khát, rách rưới.

Vẻ đẹp tâm hồn: Dù cuộc sống đầy cơ khổ nhưng không bao giờ phàn nàn, kêu ca, vẫn luôn hồn nhiên, vô tư không một lời oán trách. Luôn nghĩ về mẹ với những điều tốt đẹp. Không bao giờ mất niềm tin vào tình mẹ.

Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhân vật hiện lên chủ yếu qua đối thoại. Người đọc có thể hình dung ra ngoại hình hoặc hiểu rõ nét cuộc đời số phận nhân vật Lụm đều là qua chính những lời Lụm kể cho nhân vật tôi nghe. Mặc dù đoạn trích là đoạn đối thoại rất ngắn gọn nhưng tính chất cô đặc lại rất cao, bởi vậy chúng ta đủ hiểu cả cuộc đời của Lụm: từ lúc sinh ra (bị bỏ rơi), tới quá trình nuôi lớn (bằng bánh mì), và cả hoàn cảnh cụ thể hiện tại (là con nuôi),…

Từ ngày mẹ c.hết:

Hoàn cảnh, số phận: Mẹ c.hết, bố bỏ mặc hai con cho hàng xóm, hàng xóm cũng nghèo nàn, túng quẫn không nuôi nổi, hai chị em lâm vào cảnh đói khát, khốn cùng, không còn chỗ bấu víu, Ninh phải đào dong hai chị em ăn, rồi ăn cả ráy nước. Khi dong không còn, ráy cũng hết, Đật chạy đi kiếm ăn bên nhà hàng xóm, nhưng bị con hàng xóm dành lại đồ ăn, lại còn bị đánh đau.

Vẻ đẹp tâm hồn những đứa trẻ: Ninh hiểu chuyện nên không đu bám nhà hàng xóm nghèo nàn. Ninh không phó mặc cho đói khát hành hạ mà tự mình tìm cách sinh tồn cho hai chị em. Đặc biệt ở nhân vật Ninh, lòng tự trọng rất cao (đây là đặc điểm quen thuộc ở những nhân vật của Nam Cao): Cái bực ở Ninh chính là sự bất lực của lòng tự trọng mà có lẽ vì còn nhỏ mà Ninh không thể đọc được tâm lí của chính mình.

Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Với điểm nhìn từ bên trong, tác giả đã đi sâu khắc họa tâm lí nhân vật Ninh. Lời tác giả và lời nhân vật đan xen, hòa trộn cho ta thấy sự thấu hiểu tận cùng của Nam Cao đối với nhân vật của mình. Nhân vật Ninh hiện lên có hành động, có lời nói, có cử chỉ nhưng người đọc hoàn toàn không để ý tới điều đó bởi tất cả đều tập trung làm sáng lên những suy nghĩ, những tâm tư, những uẩn ức của nhân vật Ninh.

3. Luận điểm 3: Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.

- Một ngòi bút nữ giản dị, trong trẻo, nhẹ êm và dịu dàng, Nguyễn Ngọc Tư hoàn toàn khác với một Nam Cao thâm trầm, sâu sắc, với vẻ ngoài lạnh lùng mà trong ấm áp, yêu thương.

- Tác phẩm của Nam Cao được viết trước 1945, khi cái đói ngấp nghé, khi cuộc sống của nhân dân vô cùng cơ khổ trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Trong khi đó, tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư ra đời trong thời đại hôm nay, bà đi vào phản ánh đúng thực trạng bi đát của một bộ phận con người trong xã hội.

- Dù ra đời trong những bối cảnh, thời đại khác nhau, cách tiếp cận khác nhau, nhưng cả hai nhà văn đều đánh thức được sự đồng cảm trong lòng độc giả. Chúng ta xót thương những đứa trẻ, trân trọng tấm lòng những nhà văn, đồng thời biết nâng niu hơn nữa những hạnh phúc giản dị đời thường nơi những gia đình nhỏ, đặc biệt ta càng thêm xúc động trước tình mẹ, trước khao khát về tình mẹ của con người,…

Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh.

Thời nào rồi cũng có những hoàn cảnh bi thương xảy đến với những đứa trẻ. Nhưng rồi ta nhận ra, bên trong những hình hài nhỏ bé, non nớt là những trái tim đầy yêu thương, là những nghị lực sống kiên cường, mãnh liệt. Nam Cao và Nguyễn Ngọc Tư mỗi người theo cách khác nhau đã thực sự khiến chúng ta gần thêm với những đứa trẻ.

**HƯỚNG DẪN KĨ NĂNG VIẾT BÀI SO SÁNH HAI TÁC PHẨM/ ĐOẠN TRÍCH THƠ**

**I.** **LÍ THUYẾT**

- Bố cục bài viết gồm ba phần:

**Mở bài:**

- *Dẫn dắt và giới thiệu đối tượng so sánh: tên hai tác phẩm, hai tác giả.*

- *Nêu vấn đề cần so sánh.*

**Thân bài:**

*Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng, khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ. Có thể lần lượt chỉ ra những điểm tương đồng/ khác biệt trên từng khía*

*cạnh của nội dung, vấn đề.*

Triển khai cụ thể như sau:

\* Khái quát chung

- Giới thiệu vài nét về hai tác giả (Nếu là tác giả được học trong chương trình hoặc được giới thiệu trong đề thi).

- Giới thiệu vài nét về hai tác phẩm:

+ Hoàn cảnh ra đời (Căn cứ vào phần chú thích giới thiệu trong đề thi).

+ Đề tài, chủ đề, cảm hứng, thể thơ, ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật ... (Căn cứ vào văn bản).

- Khái quát điểm giống và điểm khác nhau được thể hiện qua hai tác phẩm/đoạn trích.

\* So sánh, đánh giá hai tác phẩm

- Luận điểm 1. Phân tích tác phẩm/đoạn trích thứ nhất theo phương diện đã xác định

+ Nội dung: đề tài, chủ đề, hình tượng thơ và cảm xúc của nhân vật trữ tình...

+ Nghệ thuật: Thể thơ, ngôn ngữ, hình ảnh, cấu tứ, biện pháp tu từ...

- Luận điểm 2. Phân tích tác phẩm/đoạn trích thứ hai trong sự so sánh với đối tượng thứ nhất theo từng phương diện.

+ Nội dung:

++ Đề tài, chủ đề của tác phẩm/đoạn trích 2; Nét mới, sự khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất.

++ Hình tượng thơ và cảm xúc của nhân vật trữ tình trong tác phẩm/đoạn trích 2; Nét mới, sự khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất.

+ Nghệ thuật: Thể thơ, ngôn ngữ, hình ảnh, cấu tứ, biện pháp tu từ... Điểm khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất.

- Luận điểm 3. Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa.

+ Lí giải vì sao có điểm tương đồng, khác biệt:

++ Bối cảnh thời đại.

++ Đặc trưng thi pháp của thời kì/giai đoạn văn học.

++ Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả.

+ Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt:

++ Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại.

++ Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học.

\* Đánh giá:

- Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và

khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.

- Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả.

**Kết bài:**

Khẳng định lại đặc điểm thể loại của tác phẩm; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của

mỗi tác giả.

**2.** **Các cách triển khai cơ bản cho kiểu bài so sánh:**

**Bố cục**

**Cách triển khai**

**nối tiếp**

**Cách triển khai**

**song hành**

**Cách kết hợp nối tiếp**

**và song hành**

**Mở bài**

Giới thiệu hai tác phẩm được xác định là đối tượng của sự so

sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá.

**Thân bài**

**Khái quát**

**chung**

Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,...

**Luận điểm 1**

Phân tích đối tượng thứ nhất về nội dung, nghệ

thuật

Điểm giống nhau của hai đối tượng về nội dung, nghệ

thuật

Phân tích đối tượng 1 theo các phương diện đã xác định

**Luận điểm 2**

Phân tích đối tượng thứ hai về nội dung, nghệ thuật

Điểm khác nhau của hai đối tượng về nội dung, nghệ thuật

Phân tích đối tượng thứ hai sẽ so sánh với đối tượng thứ nhất theo từng phương diện.

**Luận điểm 3**

Nêu rõ điểm giống, khác; lí giải và nêu ý nghĩa

- Điểm tương đồng

+ Nội dung

+ Nghệ thuật

+ Điểm khác biệt

++ Nội dung

++ Nghệ thuật

- Lí giải vì sao có

Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa

- Lí giải vì sao có điểm tương đồng, khác biệt:

++ Bối cảnh thời đại

++ Đặc trưng thi pháp của thời kì/giai đoạn văn

học

Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa

- Lí giải vì sao có điểm tương đồng, khác biệt:

- Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt

điểm tương đồng, khác biệt:

+ Bối cảnh thời đại

+ Đặc trưng thi pháp của thời kì/giai đoạn văn học

+ Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả

- Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt

+ Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại.

+ Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của

nền văn học.

++ Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả

- Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt

++ Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại.

++ Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học.

**Đánh giá**

- Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.

- Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả

**Kết bài**

- Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm

- Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.

**II.** **THỰC HÀNH VIẾT**

Anh/Chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) so sánh cái tôi trữ tình Xuân Diệu và Hàn Mạc Tử qua hai bài thơ “Nụ cười xuân” (Xuân Diệu) và “Mùa xuân xanh” (Nguyễn Bính).

NỤ CƯỜI XUÂN

(Xuân Diệu)

Giữa vườn inh ỏi tiếng chim vui, Thiếu nữ nhìn sương chói mặt trời. Sao buổi đầu xuân êm ái thế!

Cánh hồng kết những nụ cười tươi.

Ánh sáng ôm trùm những ngọn cao, Cây vàng rung nắng , lá xôn xao; Gió thơm phơ phất bay vô ý

Đem đụng cành mai sát nhánh đào.

(Trích “Nụ cười xuân” Xuân Diệu tác

phẩm chọn lọc, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009, tr. 28 -29)

MÙA XUÂN XANH

(Nguyễn Bính) Mùa xuân là cả một mùa xanh Giời ở trên cao, lá ở cành

Lúa ở đồng tôi và lúa ở

Đồng nàng và lúa ở đồng anh.

Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh Tôi đợi người yêu đến tự tình Khỏi lũy tre làng tôi nhận thấy Bắt đầu là cái thắt lưng xanh.

(Theo Thơ Nguyễn Bính, NXB Giáo dục, 2002)

GỢI Ý ĐÁP ÁN

**Mở bài:**Giới thiệu hai tác phẩm được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá.

Xuân Diệu, Nguyễn Bính là hai trong ba đỉnh cao của phong trào thơ mới nhưng mỗi người có một phong cách riêng. Nếu Xuân Diệu được xem là nhà thơ *“mới nhất trong các nhà thơ mới*” (Hoài Thanh) thì Nguyễn Bính được coi là nhà thơ *“chân quê”*. Cả hai nhà thơ đều có cảm hứng với mùa xuân nhưng mỗi người có một cách cảm riêng. Điều đó thể hiện ở cái tôi trữ tình trong hai bài thơ viết về mùa xuân, “Nụ cười xuân” (Xuân Diệu) và “Mùa xuân xanh” (Nguyễn Bính). Làm nên sự độc đáo và hấp dẫn của mỗi bài thơ chính là ở những vẻ đẹp tương đồng, khác biệt.

**Thân bài:**so sánh cái tôi trữ tình Xuân Diệu và Nguyễn Bính qua hai bài thơ “Nụ cười xuân” (Xuân Diệu) và “Mùa xuân xanh” (Nguyễn Bính).

**Luận điểm 1:**Làm rõ điểm tương đồng của hai bài thơ.

+ Hai bài thơ cùng ra đời trong phong trào thơ mới nên hai nhà thơ Xuân Diệu và Nguyễn Bính có điểm gặp gỡ là chung một đề tài, cả hai bài thơ đều viết về thiên nhiên đất trời vào mùa xuân. Về thi liệu và thủ pháp nghệ thuật, cả hai bài thơ đều sử dụng những hình ảnh quen thuộc của mùa xuân như: cỏ cây, hoa lá, trời xuân, sắc xuân, tình xuân…và nghệ thuật “tả cảnh ngụ tình” để bộc lộ cái nhìn và cảm xúc rất khác nhau về mùa xuân.

**Luận điểm 2**: Làm rõ điểm khác biệt của hai bài thơ. So sánh điểm khác biệt của chủ thể trữ tình: Xuất phát từ quan điểm thấm mĩ khác nhau, chủ thể trữ tình trong hai bài thơ cũng có cách nhìn cách cảm về mùa xuân khác nhau. Bài thơ “Nụ cười xuân” của Xuân Diệu là bức tranh mùa xuân tươi vui, rộn rã, tràn đầy sức sống, con người ngây ngất trước mùa xuân đẹp của đất trời còn bài thơ “Mùa xuân xanh” của Nguyễn Bính là bức tranh mùa xuân tươi mới, căng tràn của mùa xuân và mối giao hòa giữa thiên nhiên và con người.

- Trong bài thơ “Nụ cười xuân” Xuân Diệu nhìn cái đẹp của mùa xuân gắn với hình ảnh người thiếu nữ khát vọng đợi chờ một tình yêu giống như khát vọng của nhà thơ về cuộc sống muôn màu sắc. Bởi với Xuân Diệu thì mùa xuân thường gắn tuổi trẻ và tình yêu. Nhà thơ đã nắm bắt được những nét thần thái của mùa xuân nên mùa xuân trong thơ Xuân Diệu tràn đầy sức sống. Cảnh sắc của mùa xuân được cảm nhận qua: *tiếng chim vui, chói mặt trời, cánh hồng, nụ cười tươi, ánh sáng, cây vàng, rung nắng lá xôn xao, gió thơm, phơ phất, cành mai, nhánh đào*...

Mỗi yếu tố đều thật tình tứ, đáng yêu, chúng hoà quyện vào nhau, tôn lên nhau làm nên thần thái cho bức tranh mùa xuân thật tươi đẹp, rực rỡ, chan hòa. Thiên nhiên đã được nhân hoá qua các từ như ôm trùm, rung nắng, bay vô ý… khiến chúng trở nên thật gần gũi, đáng yêu giống như con người. Đặc biệt trong câu thơ

“*Tóc liễu buông xanh quá mỹ miều”*nghệ thuật ẩn dụ nhân hoá được sử dụng tinh tế và sáng tạo khiến người đọc liên tưởng đến những cành liễu rủ mình bên hoa yêu kiều và tình tứ giống như người con gái đang buông mái tóc dài trong hương xuân ngây ngất …Bài thơ là bức tranh xuân tươi vui, rộn rã, say đắm lòng người. Đó là

cái nhìn và cảm xúc của một thi sĩ có tâm hồn tinh tế, khát khao giao hoà đắm say với vẻ đẹp của mùa xuân.

- Bài thơ đã tả những sắc xanh của trời, lá, lúa, cỏ, lũy tre, thắt lưng. Các sắc xanh này giao hòa, tỏa lan, và nổi bật nhất là các thắt lưng xanh của người con gái. Qua đó, tác giả đã thể hiện vẻ đẹp tươi mới, căng tràn của mùa xuân và mối giao hòa giữa thiên nhiên và con người.

+ Trong bài thơ từng dòng thơ, từng sự vật như tơ vương kết với nhau. Câu thơ “*Mùa xuân là cả một mùa xanh”*như một thừa nhận. Ba dòng thơ tiếp chứng minh: giời ở trên cao xanh, lá ở cành xanh, lúa trên đồng tôi, đồng nàng và đồng anh cũng xanh. Một liên tưởng bất ngờ rất ngẫu nhiên giữa cái xanh chung của giời đất, cỏ cây vẫn còn cái xanh riêng của hai người.

+ Nhân vật trữ tình lộ diện qua cách xưng hô “tôi” - “nàng” - “anh” là người con trai trẻ đang thầm yêu người con gái đồng quê. Cách dùng đại từ khéo léo “tôi” và

“nàng” - cách xưng hô của người quê với nhau rồi chuyển sang “nàng” với “anh”- cách xưng hô của nam nữ yêu nhau.

+ Nguyễn Bính luôn biết chắt chiu từ chữ, từng lời mộc mạc mà đằm thắm, chân tình. Một mối tư tình kín đáo của chàng trai thôn quê dần lộ ra khiến bài thơ phảng phất màu sắc triết lí: “*Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh/ Tôi đợi người yêu đến tự tình”*Trên nấm mộ gợi về cõi chết, sự sống (cỏ) đang được hồi sinh, và tình yêu, sự sinh sôi cũng đang được bắt đầu. Một buổi sáng mùa xuân trong trẻo, xanh cây, xanh niềm hy vọng, chàng nhìn giời, nhìn cây, nhìn khắp cánh đồng lúa chiêm xuân xanh mơn mởn trong sự đợi chờ. Chàng ngẫm ra “cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh”, đợi mưa xuân, gió ấm để mọc lên thêm lá, sinh sôi phát triển. Còn tôi, “tôi đợi người yêu đến tự tình”, để nói chuyện lứa đôi, thỏa mong nhớ xa cách.

+ Không còn giấu giếm, chàng trai thừa nhận đang bồn chồn đợi người con gái làng bên. Lời thơ như lời nói hàng ngày, thấy gì thì viết vậy mà tình ý sâu sa và tế nhị, kín đáo. Nỗi nhớ mong cồn cào kiên nhẫn đợi người yêu - giống như cỏ xanh kia nằm đó suốt mùa đông lạnh giá đợi mưa xuân, nắng xuân. Cả trái tim, ánh mắt chàng hướng về con đường nhỏ phía lũy tre làng. Giữa bao người áo váy đủ màu, rực rỡ hội xuân từ xa, người trai cày vẫn nhận thấy “cái thắt lưng xanh” - dấu hiệu của người yêu mà chàng đã khắc sâu trong tim. Màu xanh nhỏ bé kia làm rạo rực con tim người con trai đã khép lại bài thơ về đề tài tình yêu lứa đôi.

Tóm lại: Cái tôi của Xuân Diệu và Nguyễn Bính trong hai bài thơ đã thực sự được giải phóng, không còn dáng vẻ bỡ ngỡ, dè dặt trước đó mà rất thành thật, táo bạo. Đó là biểu hiện của một quan niệm nhân sinh mới mẻ, tích cực- biểu hiện mới của thơ ca hiện đại Việt Nam.

**Luận điểm 3:**Lí giải điểm tương đồng khác biệt

+ Có những điểm tương đồng là do cả Xuân Diệu và Nguyễn Bính đều là hai nhà thơ xuất sắc của phong trào Thơ mới; cả hai tác phẩm đều viết về mùa xuân.

+ Có điểm khác biệt là do yêu cầu bắt buộc của văn học (không cho phép sự lặp lại) và do phong cách riêng của mỗi nhà thơ.

Sau đây là một cách lí giải:

Leptônxtôi từng nói: *“Khi đọc xong tác phẩm văn học, hứng thú chủ yếu là tính cách tác giả được thể hiện trong đó ”. Đúng vậy đến với hai bài thơ ta bắt gặp hai phong cách nghệ thuật độc đáo.*

+ Nếu thơ Xuân Diệu thể hiện tâm hồn luôn yêu đời, yêu cuộc sống nồng nhiệt, luôn khát khao giao cảm với những khát vọng táo bạo, mãnh liệt, thiên nhiên nhuốm màu tình tứ, tràn ngập hương sắc và xuân tình; luôn lấy con người làm

thước đo chuẩn mực cho cái đẹp thì thế giới nghệ thuật trong thơ Nguyễn Bính là một thế giới đa dạng, nhiều sắc màu đặc biệt là không gian của làng quê Việt nam với những con người chân chất giản dị mà dịu dàng lãng mạn đắm say.

+ Thơ Xuân Diệu thoát khỏi hệ thống biểu hiện ước lệ, phi ngã câu thơ cũ, ông mạnh giản đề xướng “cái tôi” say đắm, chân thành, khao khát sống, khao khát yêu thương. Dấu ấn riêng về nghệ thuật: Sự kết hợp hài hòa giữa cảm xúc và luận lí; Huy động các giác quan để khám phá và miêu tả sự vật; Ngôn ngữ, giọng điệu thơ, thủ pháp nghệ thuật cách tân táo bạo. Còn Nguyễn Bính đã đưa vào Thơ mới những sáng tạo độc đáo, những hình tượng ngôn từ đầy ấn tượng, gợi cảm giác liên tưởng và suy tưởng phong phú. Nhà thơ đã dùng ngôn ngữ thơ giản dị, cấu tứ mộc mạc của lối thơ tự do xem trọng cảm xúc, mạch thơ uyển chuyển và cách kết bất ngờ tạo nên sự độc đáo, hấp dẫn của bài thơ. Câu chuyện của chàng trai đồng quê chỉ kể chuyện trông giời trông đất, trông cây đã giúp người đọc hiểu được tình yêu rất đằm thắm, thủy chung của hai người.

Việc so sánh cái tôi trữ tình của hai nhà thơ cũng giúp ta hiểu thêm về hai phong cách sáng tác.

**ĐÁNH GIÁ:**

+ Hai bài thơ cùng viết về mùa xuân nhưng “Nụ cười xuân” (Xuân Diệu) và “ Mùa xuân xanh” của Nguyễn Bính có những cách nhìn, cách cảm về mùa xuân khác nhau. Mỗi cách nhìn, cách cảm đều có cái hay, cái độc đáo riêng. Ta thích sự vồ vập, sôi nổi, đắm say của Xuân Diệu nhưng ta cũng yêu sự trầm tĩnh, nhẹ nhàng, sâu lắng của Nguyễn Bính. Chính cá tính sáng tạo làm nên nét riêng độc đáo của từng nhà thơ.

+ Xuân Diệu và Nguyễn Bính xứng đáng là hai đại biểu xuất sắc của phong trào Thơ mới. Thơ mới đem đến giới trẻ nguồn cảm hứng mới, hấp dẫn và mãnh liệt, gợi cảm và gợi tình khi viết về tình yêu lứa đôi. Cách biểu đạt của Thơ mới phá vỡ sự gò ép, khuôn thước quy phạm của thơ Đường luật cả về hình thức và nội dung cảm hứng. Bài thơ “Mùa xuân xanh” và nụ cười xuân xứng đáng là hai trong những bài thơ viết về mùa xuân hay nhất của thơ hiện đại nước ta.

**3. KẾT BÀI**

- Khẳng định đây đều là hai bài thơ đặc sắc viết về mùa xuân và thể hiện sâu sắc cái tôi trữ tình và phong cách nghệ thuật của hai nhà thơ. Mỗi nhà văn có một phong cách nghệ thuật độc đáo.